

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC
QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CHI
NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM
TRNG ƯƠNG 2 – HẢI PHÒNG**

Chủ nhiệm đề tài : Hoàng Thị Oanh – QT1302K

HẢI PHÒNG - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tên em là: Hoàng Thị Oanh

Sinh viên lớp: QT1302K

Khoa: Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Ngành: Kế toán – Kiểm toán.

Em xin cam đoan như sau :

1. Những số liệu, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực
2. Các kết quả của báo cáo chưa có ai nghiên cứu, công bố và chưa từng được áp dụng vào thực tế.

Vậy em xin cam đoan những nội dung trình bày trên chính xác và trung thực. Nếu có sai sót em xin chịu trách nhiệm trước Khoa quản trị kinh doanh và trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2013

Người cam đoan

Hoàng Thị Oanh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.	12
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	17
1.2.3. Kế toán giá chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	23
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.	26
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	29
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	35
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	35
1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	37
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	38
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	40
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	41
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 TẠI HẢI PHÒNG	42

2.1. Khái quát chung về chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.....	42
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Tổng công ty và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.....	42
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.....	45
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.....	47
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng .	51
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.....	51
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.....	59
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.....	64
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại chi nhánh công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.....	75
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:	83
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.....	83
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 – HẢI PHÒNG.	89
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.....	89
3.1.1 Ưu điểm.....	90
3.1.2. Nhược điểm.....	91
3.2. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi	

phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.....	92
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.....	93
3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.....	93
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.....	94
KẾT LUẬN	112
TÀI LIỆU THAM KHẢO	114

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết và quản lý vĩ mô của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp có điều kiện tự do cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Trong sự phát triển đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chính sách cũng như hệ thống quản lý tốt mới đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh. Hạch toán kế toán là một trong những công cụ quản lý hiệu quả nhất và không thể thiếu đối với các doanh nghiệp nói chung và các công ty dược nói riêng, nó cung cấp các thông tin tài chính cần thiết một cách chính xác và kịp thời giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung Ương II – chi nhánh Hải Phòng là một công ty thương mại chuyên tiêu thụ các mặt hàng về thuốc tân dược. Do đó quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với chi nhánh. Tuy nhiên, tại Chi nhánh còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, làm cho việc theo dõi chính xác doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh còn gặp một số khó khăn. Vấn đề đặt ra đối với chi nhánh lúc này là phải làm thế nào để có thể theo dõi một cách chính xác nhất doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh. Nhận thức được tầm quan trọng đó mà trong thời gian thực tập ở chi nhánh em đã quyết định lựa chọn đề tài: “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng*” cho bài viết của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Khái quát những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng trong quý IV năm 2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp tổng hợp;
- Các phương pháp kế toán.

5. Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài:

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Là tài liệu tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế.

- Những đóng góp liên quan đến DN:

Những giải pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong doanh nghiệp.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận thì khóa luận được chia thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

Do trình độ lý luận, thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài nghiên cứu của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh. Đồng thời doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp .

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149 /2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

❖ **Doanh thu bán hàng**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua .
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn .
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng.

- *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* đây là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại cửa hàng hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp; sau khi người mua nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao chính thức được coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.

- *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận thanh toán:* Theo phương thức này, bên chuyên hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán

mất quyền sở hữu, doanh thu được ghi nhận.

- *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Tiêu thụ theo phương thức đại lý*: là phương thức mà bên bán chuyển giao cho bên nhận đại lý, khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi, doanh thu và giá vốn của hàng bán được ghi nhận.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán .
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu thuần**: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp

dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- *Chiết khấu thương mại*: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

- *Hàng bán bị trả lại*: Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp*.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp sản xuất các loại sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

+ Thuế xuất khẩu cũng được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới. Doanh thu của hàng hóa xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Doanh thu của sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp đã bao gồm thuế GTGT. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ phải tương ứng với doanh thu đã xác định.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia .

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch tải chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

** Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ Thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu ,gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định. Bao gồm:

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,...bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...
- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,...dùng cho bộ phận bán hàng.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ

cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương diện tính toán, phương diện làm việc...

- Chi phí khấu hao TSCĐ : Phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho các cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như : tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như: văn phòng phẩm , vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao TSCĐ : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua sử dụng tài liệu kỹ thuật, bằng sang chế,...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

❖ Chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = (Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ + (Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính) – Chi phí QLDN – Chi phí bán hàng)

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, quy cách,...đôi với loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các chi phí phát sinh, các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết và đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ cho việc lập báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng .

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh , theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho Ban lãnh đạo có những kế hoạch vụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, Phiếu chi;
- Phiếu báo Có, Phiếu báo Nợ ;
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

˘ - Bán hàng do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa do mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động...

- *Kết cấu của tài khoản 511:*

➤ *Bên Nợ:*

- Số thuế tiêu thu đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh

thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp phải nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

➤ *Bên Có*: Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư, và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 có sáu (6) tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 : “doanh thu bán hàng hóa”

- Tài khoản 5112 : “doanh thu bán các thành phẩm”

- Tài khoản 5113 : “doanh thu cung cấp dịch vụ”

- Tài khoản 5114 : “doanh thu trợ cấp, trợ giá”

- Tài khoản 5117 : “doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”

- Tài khoản 5118 : “doanh thu khác”

❖ Trường hợp tiêu thụ nội bộ : **Tài khoản 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ : phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp .

➤ Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 : “doanh thu bán hàng hóa”

- Tài khoản 5122 : “doanh thu bán các thành phẩm”

- Tài khoản 5123 : “doanh thu cung cấp dịch vụ”

➤ Tài khoản 511, 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại .

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua, bán hàng; cam kết mua, bán hàng).

- *Kết cấu của tài khoản 521:*

➤ *Bên Nợ:*

- Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ *Bên Có:*

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5211 : “Chiết khấu hàng hóa”

- Tài khoản 5212 :” Chiết khấu thành phẩm”

- Tài khoản 5213 :” Chiết khấu dịch vụ”

❖ Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

- *Kết cấu của tài khoản 531:*

➤ *Bên Nợ:*

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ *Bên Có:*

- Cuối kỳ, Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán.

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

- *Kết cấu của tài khoản 532:*

➤ *Bên Nợ:*

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất, sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ *Bên Có:*

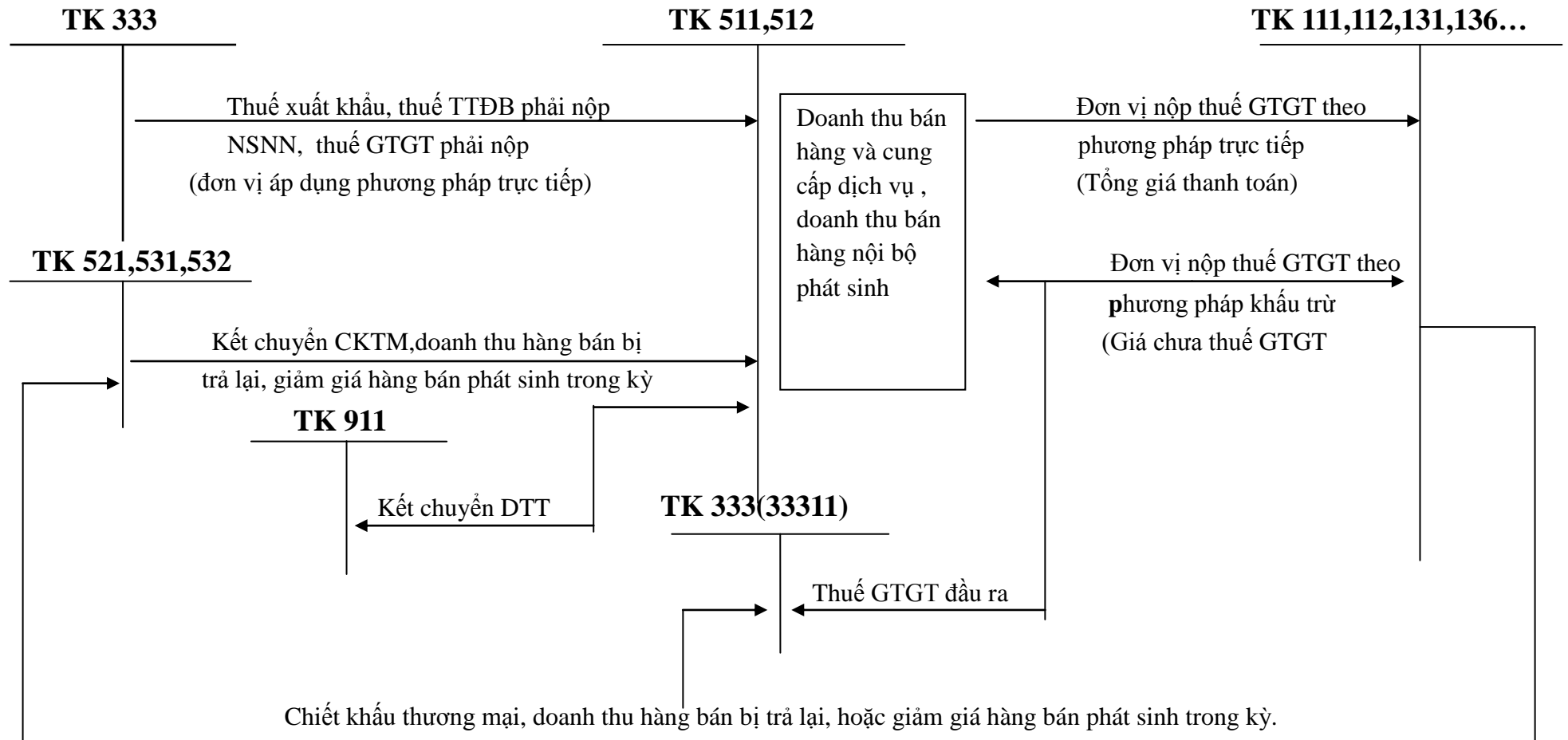
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT , hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 632 “giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm , hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động , chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

•Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì nội dung và kết cấu của TK 632 như sau:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ .

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay > số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay < số đã lập năm trước)

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911
- xác định kết quả kinh doanh.
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
 - Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì nội dung và kết cấu của TK 632 như sau:
 - *Bên Nợ:*
 - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
 - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
 - Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
 - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
 - *Bên Có:*
 - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
 - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
 - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.
 - *Kết cấu của TK 631- Giá thành sản xuất*
 - *Bên Nợ:*
 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ;
 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.
 - *Bên Có:*
 - Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành hoàn thành kết chuyển vào Tài khoản 632 “giá vốn hàng bán” ;
 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào tài

khoản 154 “ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” .

➤ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:

Theo chuẩn mực kế toán 02 “ Hàng tồn kho” , việc tính giá hàng xuất kho được xác định theo một trong bốn phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này giá thực tế của hàng hóa xuất kho được tính theo giá bình quân gia quyền. Nghĩa là, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho trong kỳ đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này giả thiết số hàng tồn kho được mua trước hoặc xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường tính trong trường hợp giá ổn định và có xu hướng giảm.

- Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ của hàng tồn kho. Phương pháp này thường sử dụng trong trường hợp hàng hóa nhập vào có xu hướng tăng giá.

- Phương pháp giá thực tế đích danh

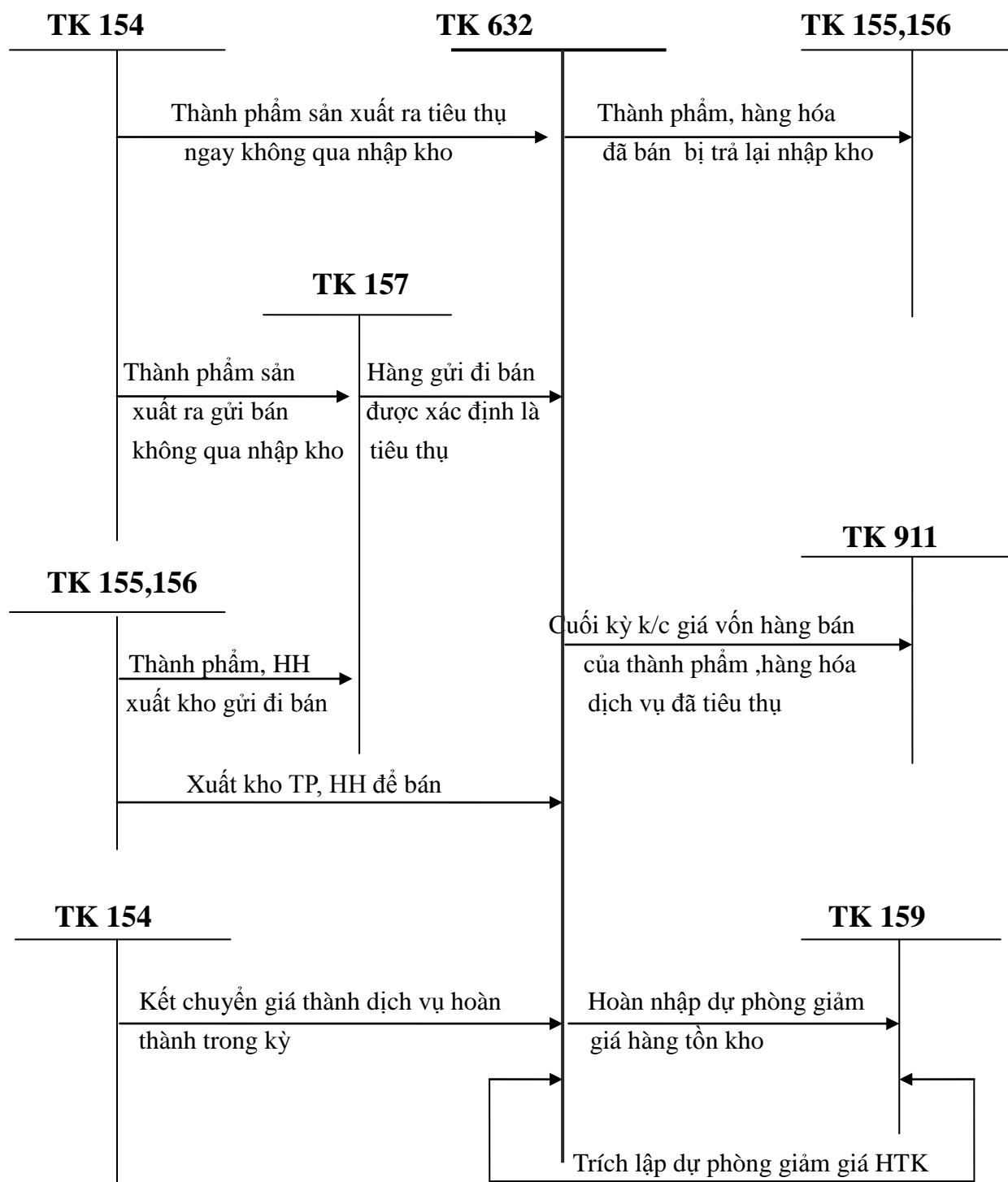
Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất

kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Phương pháp này thường áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định, nhận diện được.

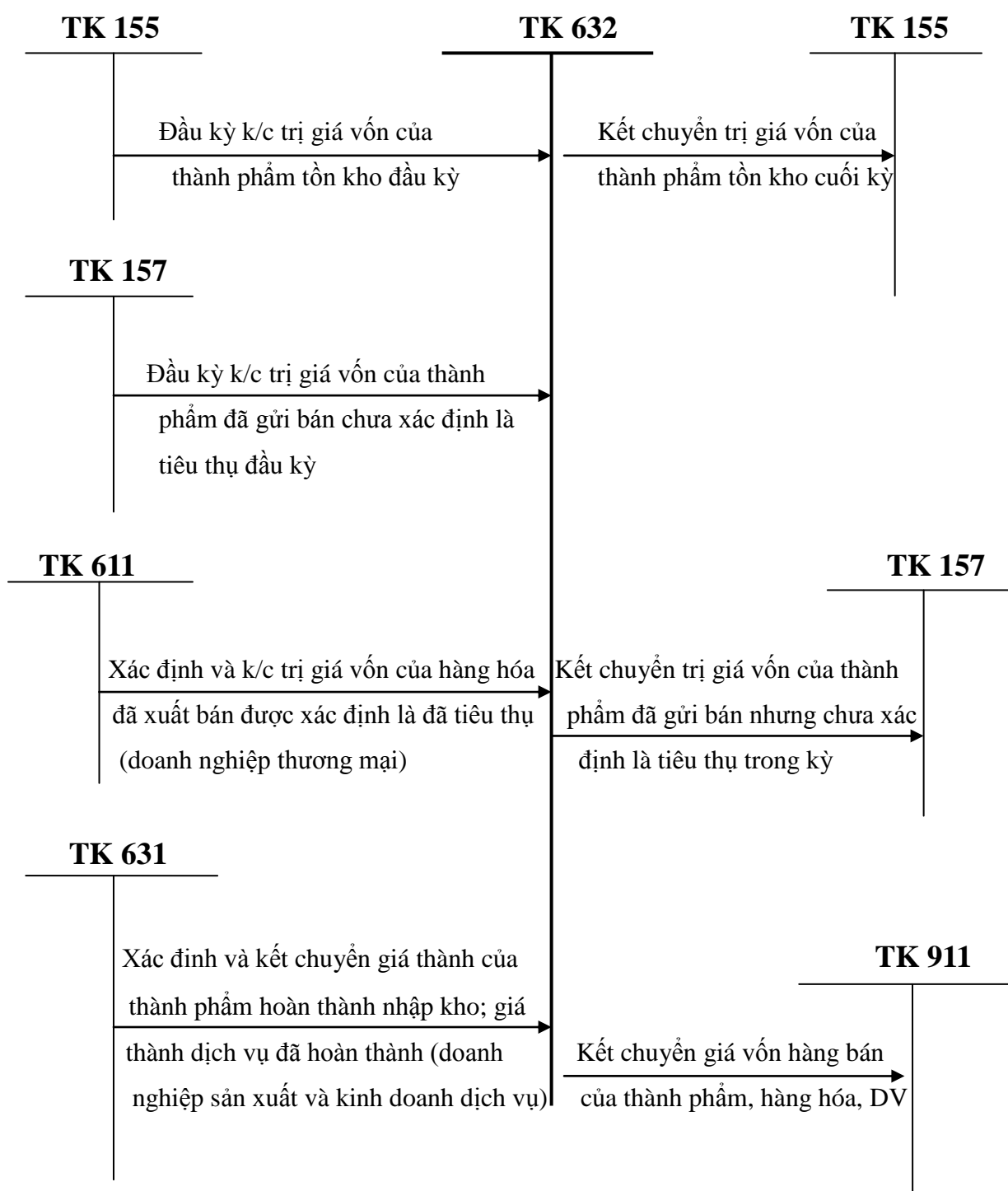
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán giá chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền tiên và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Kết cấu của TK 641:

- **Bên Nợ:** Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- **Bên Có:** Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:
 - TK 6411: “Chi phí nhân viên”
 - TK6412: “Chi phí vật liệu bao bì”
 - TK6413: “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
 - TK6414: “Chi phí khấu hao TSCĐ”
 - TK6415: “Chi phí bảo hành”
 - TK6417: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
 - TK6418: “Chi phí bằng tiền khác”

❖ TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp .

- *Kết cấu tài khoản 642:*

➤ *Bên Nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ *Bên Có :*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

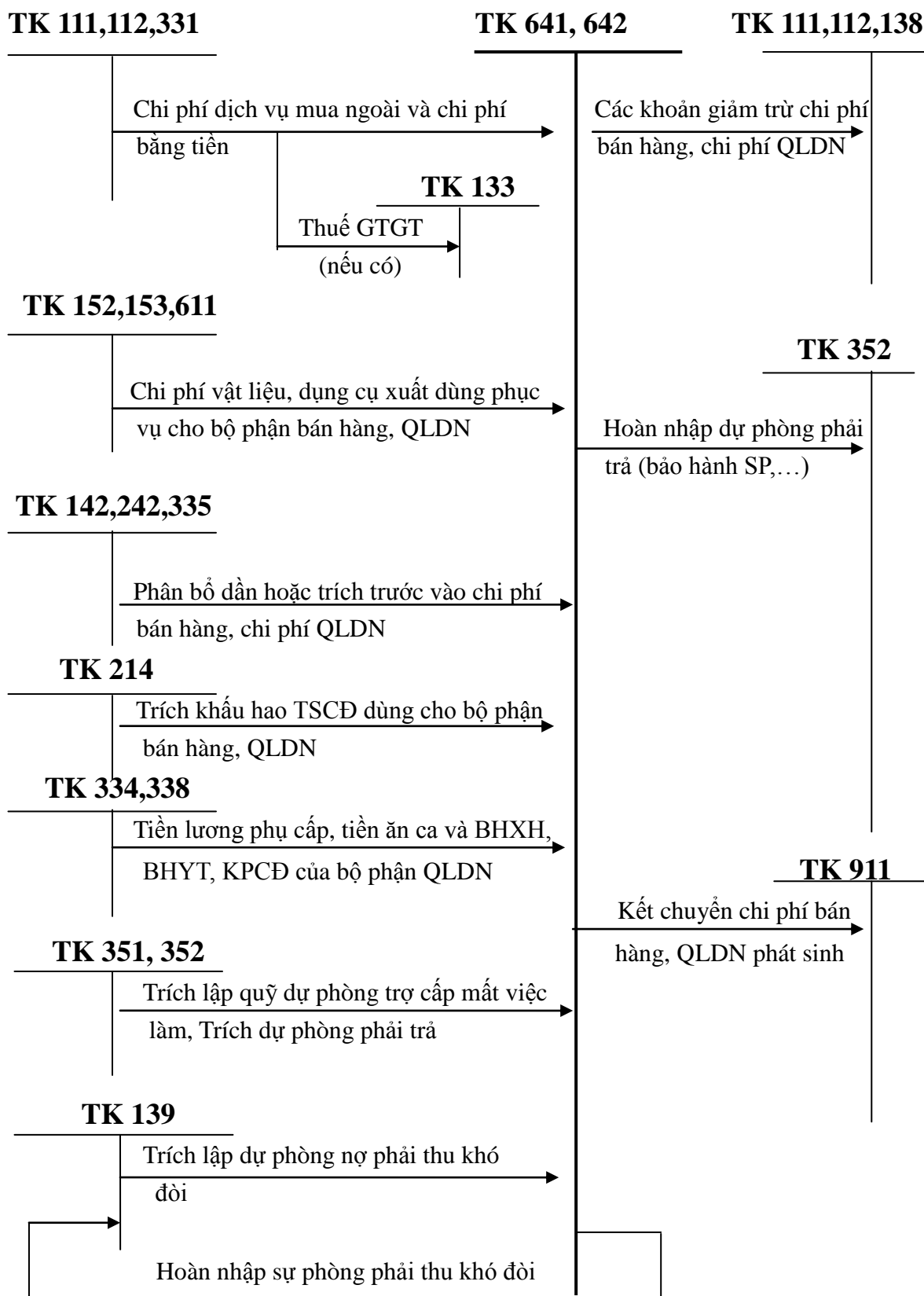
➤ Tài khoản này có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: “ Chi phí nhân viên quản lý”
- TK 6422: “Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423: “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424: “Chi phí khấu hao TSCĐ”
- TK 6425: “Thuế, phí, lệ phí”
- TK 6426: “Chi phí dự phòng”
- TK 6427: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6428: “Chi phí bằng tiền khác”

1.2.3.3. Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng : sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Kết cấu của tài khoản 515:*

➤ *Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

➤ *Bên Có:*

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có nguồn gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

➤ Tài khoản 515 không có số dư.

❖ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính .

- *Kết cấu TK 635:*

➤ *Bên Nợ:*

- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán .

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

- Lỗ về bán ngoại tệ

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

➤ *Bên Có:*

- Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư

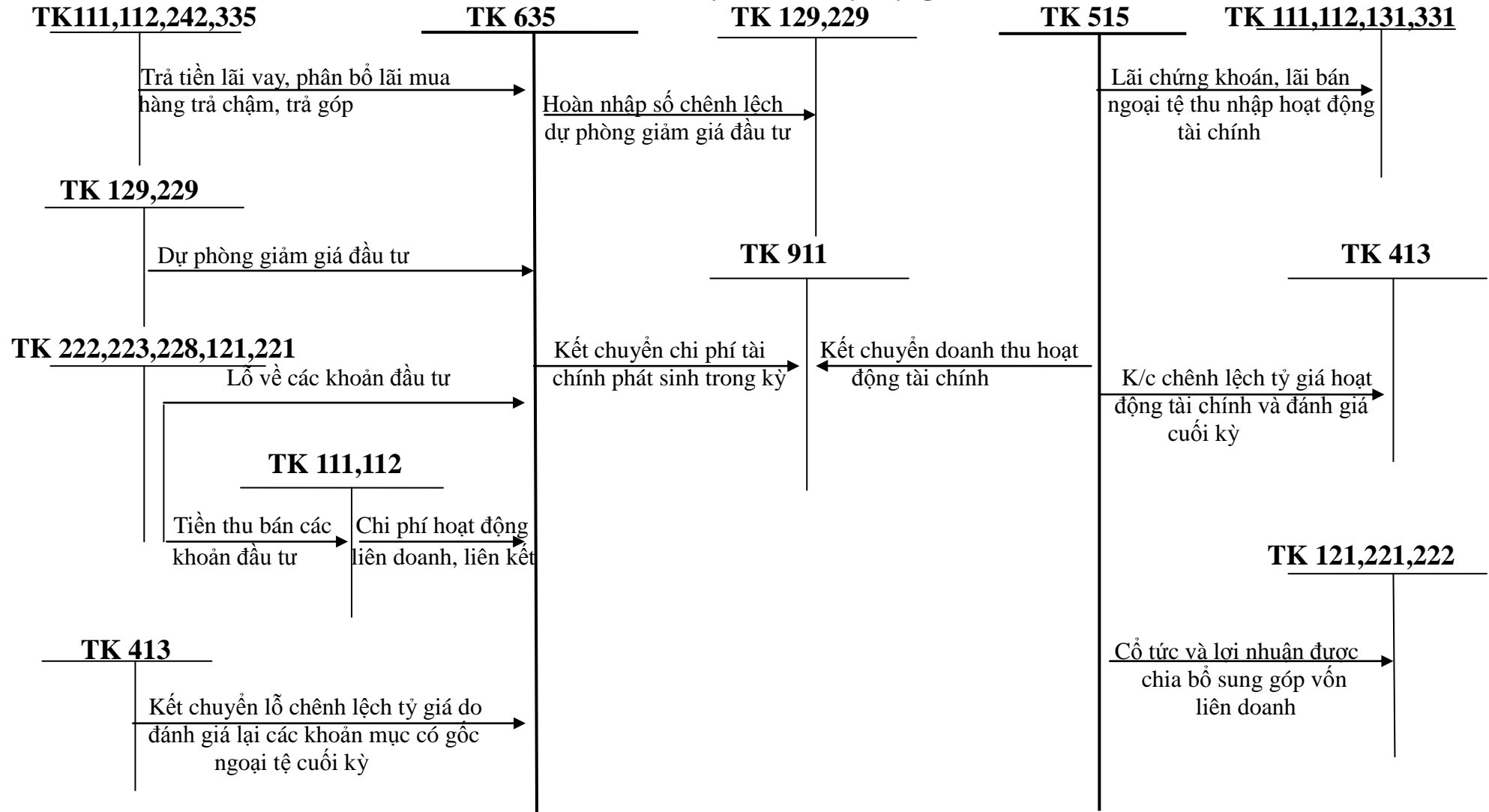
- Kết chuyển chi phí tài chính cuối kỳ

➤ Tài khoản 635 không có số dư.

1.2.4.3. Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, Thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 711 – Thu nhập khác.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 711

➤ Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp .
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 811 – Chi phí khác.

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 811

➤ Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh như chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh; Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác.

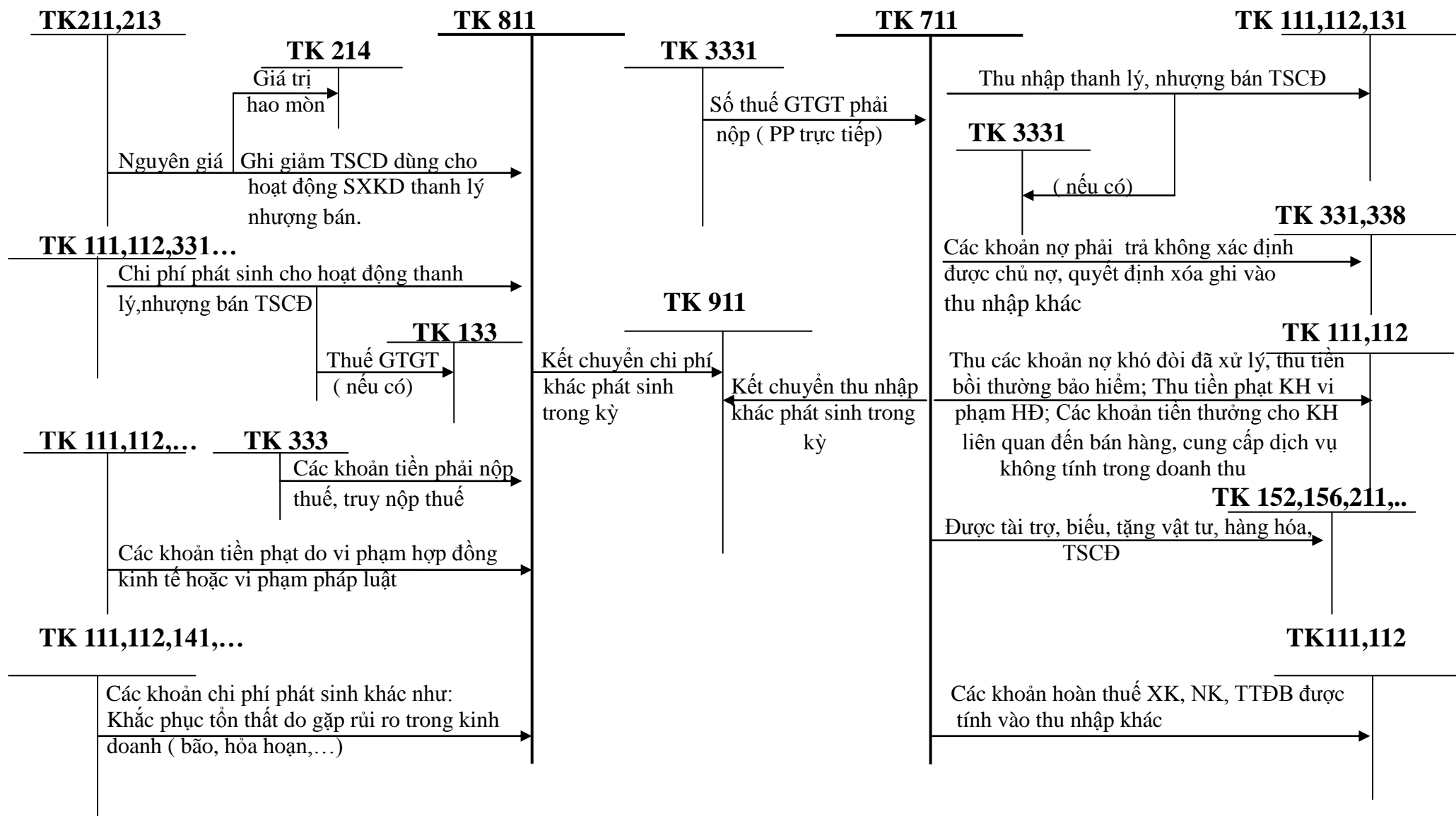
➤ Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển chi phí khác sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ Tài khoản 811 không có số dư

1.2.5.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán chi phí khác và thu nhập khác được thể hiện qua:

Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác .

- *Kết cấu của TK 911:*

- *Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp; chi phí khác; chi phí hoạt động tài chính; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN (kết chuyển lãi)

- *Bên Có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính; Thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi) được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

- *Kết cấu TK 821:*

➤ *Bên Nợ:*

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước .

➤ *Bên Có:*

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn so với số thuế TNDN tạm nộp.

- Số thuế TNDN tạm nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

+ TK 8211: chi phí thuế TNDN hiện hành

+ TK 8212: chi phí thuế TNDN hoãn lại

❖ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- *Kết cấu TK 421*

➤ *Bên Nợ:*

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;

- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên

tham gia liên doanh;

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ *Bên Có:*

- Lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

➤ *Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.*

Số dư bên Nợ:

- Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có:

- Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

➤ Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

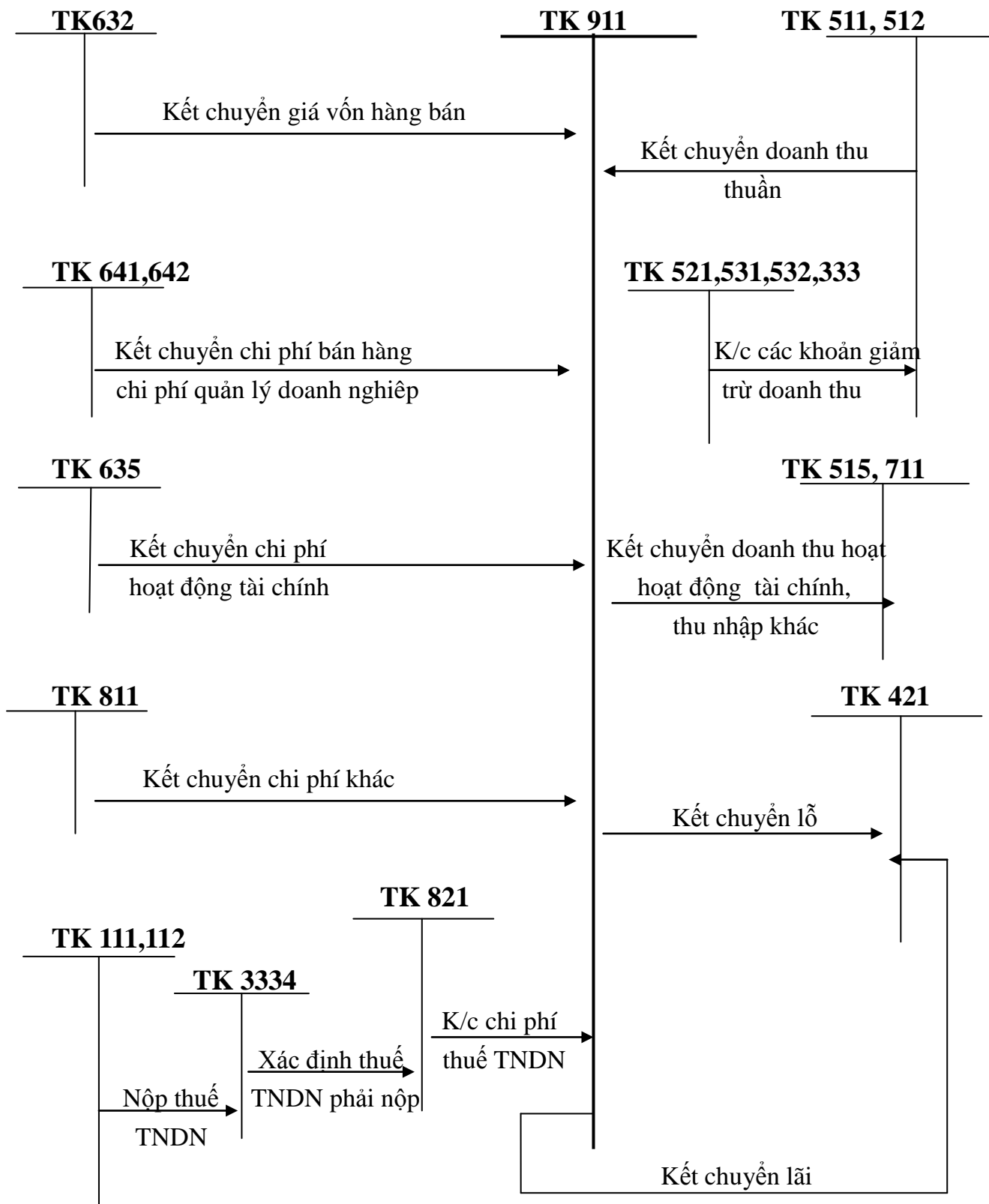
- *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước*
- *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay*

1.2.6.3. Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện bằng:

Sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ Đặc trưng cơ bản

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi Sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

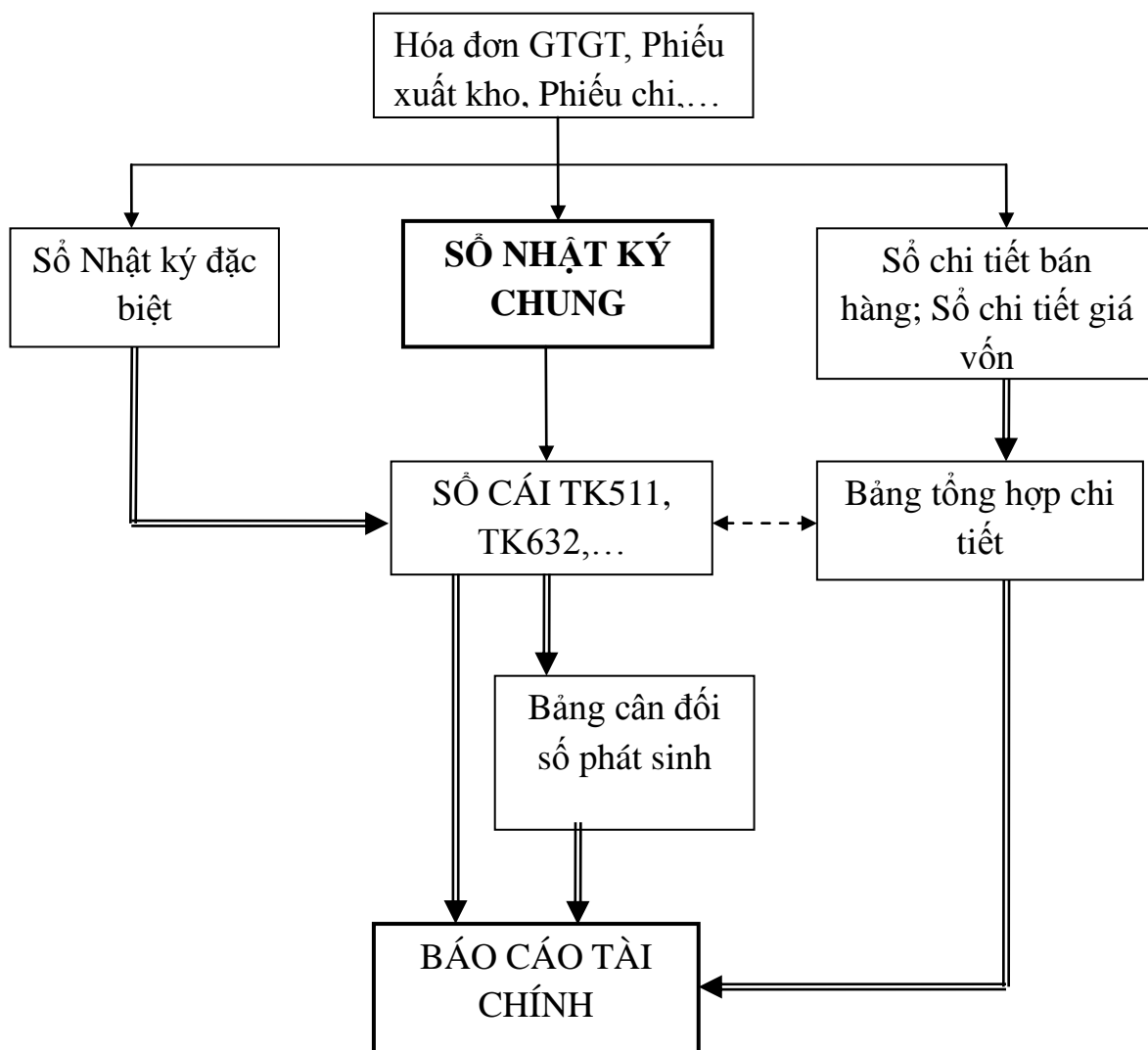
Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu.

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ chi tiết.

- ❖ Quy trình hạch toán: theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8 - Hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi vào cuối kỳ hoặc định kỳ
- ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Đặc trưng cơ bản

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cung loại, có cùng nội dung kinh tế.

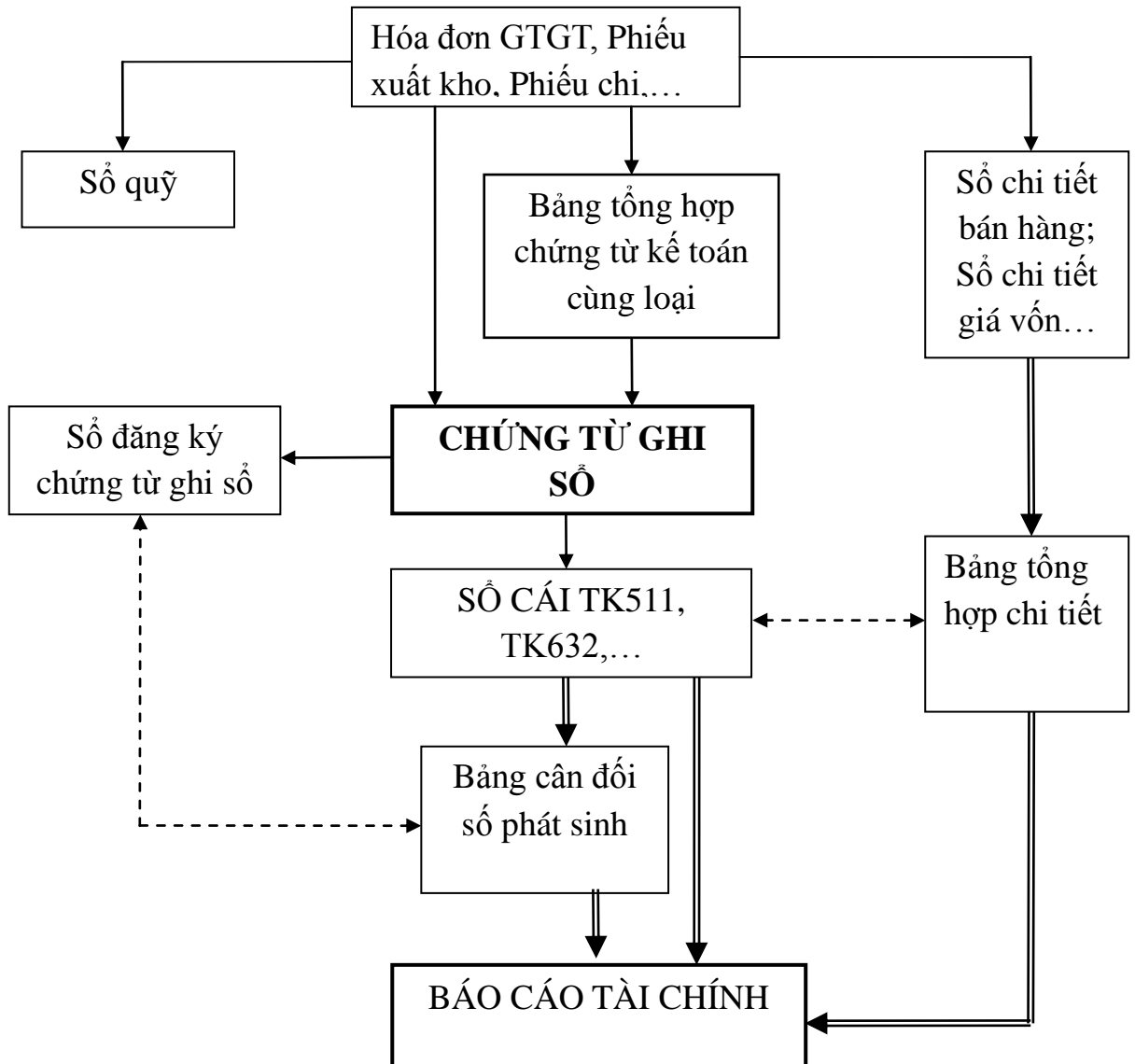
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ gồm các loại sổ:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ chi tiết.

❖ Quy trình hạch toán: thể hiện qua Sơ đồ 1.9

Sơ đồ 1.9 - Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi vào cuối tháng
- >< Đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

❖ Đặc trưng cơ bản.

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo

trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế .

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

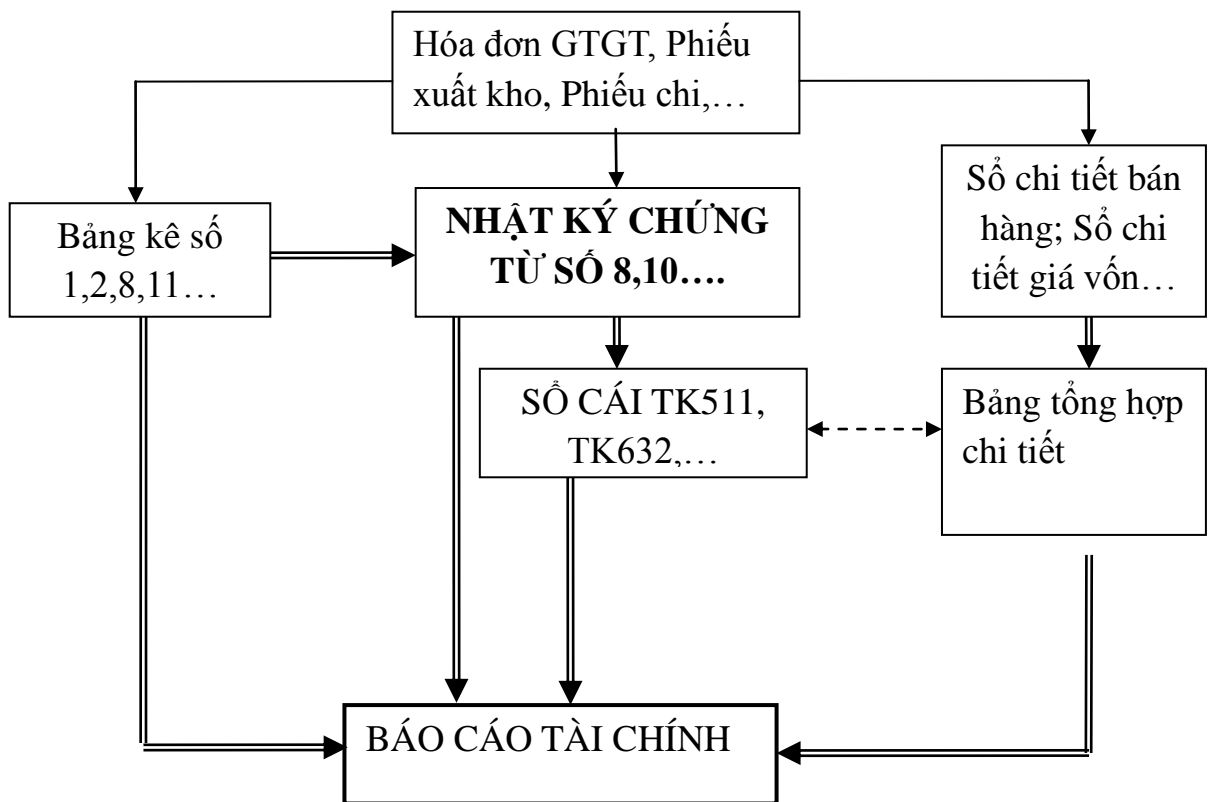
Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các sổ:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ chi tiết.

❖ Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán thể hiện bằng : Sơ đồ 1.10

Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi vào cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

❖ Đặc trưng cơ bản.

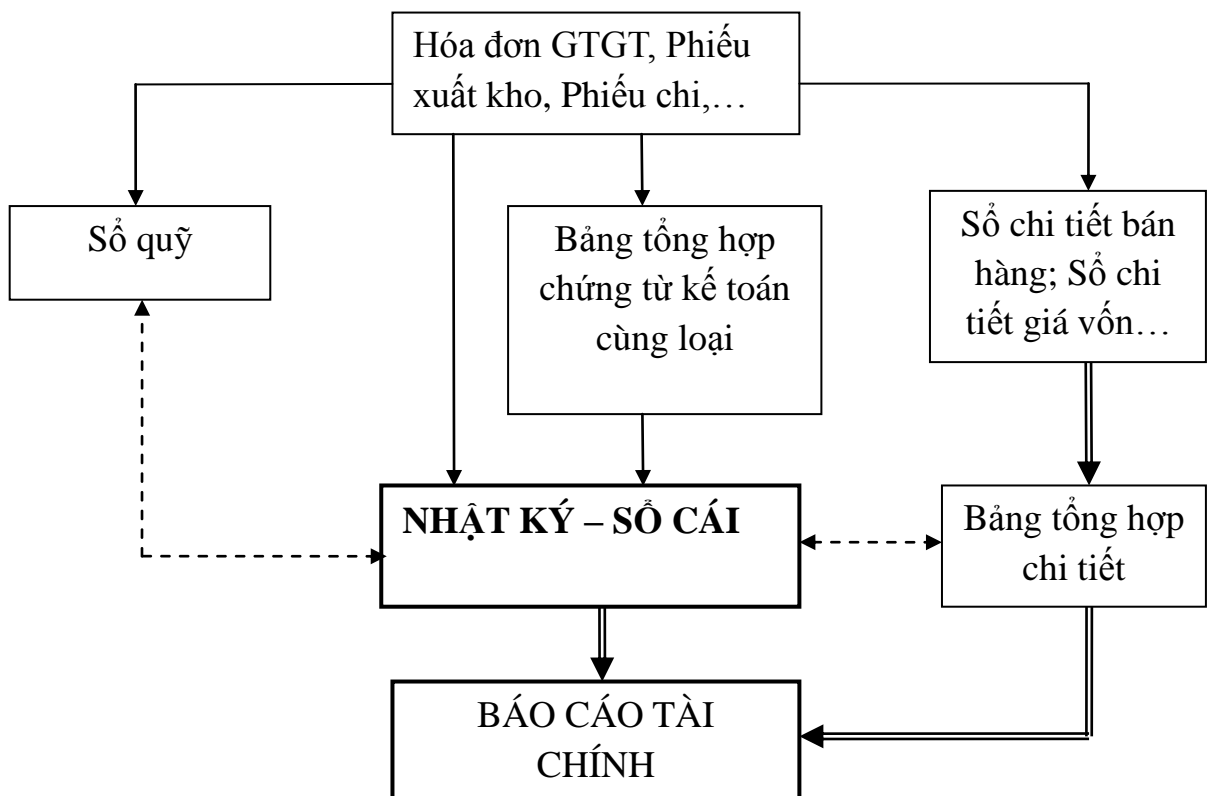
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các Sổ, Thẻ chi tiết.

❖ Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký- Sổ cái : Sơ đồ 1.11

Sơ đồ 1.11 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi vào cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

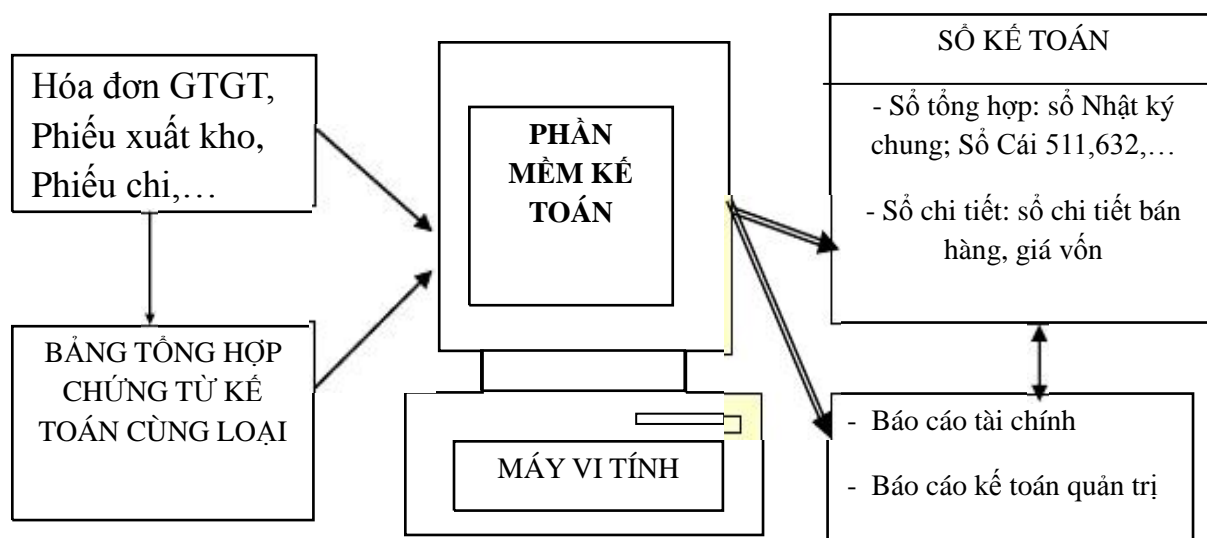
❖ Đặc trưng cơ bản:

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là : Nhật ký chung, Nhật ký – Sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký – Chứng từ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ qui trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo qui định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính : Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu của sổ kế toán bằng tay.

❖ Quy trình hạch toán: Sơ đồ 1.12

Sơ đồ 1.12 Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ , báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 TẠI HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Tổng công ty và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

**Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung ương 2 - CODUPHA*

Công ty CODUPHA được hình thành ngay sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975) với tên gọi là Tổng kho y dược phẩm với chức năng và nhiệm vụ phân phối thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và thiết bị y tế cho hệ thống phòng và chữa bệnh các tỉnh phía Nam từ Đà Nẵng trở vào và đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh trong những năm đầu giải phóng.

Năm 1976, do yêu cầu quản lý của Ngành, Bộ Y Tế ra quyết định số 128/BYT- QĐ ngày 18 tháng 11 năm 1976 quyết định tách Tổng kho Y dược phẩm thành hai công ty với tên gọi:

- Công ty thiết bị Y tế và hoá chất xét nghiệm cấp 1.

- Công ty dược phẩm cấp 1, có tên giao dịch tiếng Pháp là: Companie

Du Pharmaceutique viết tắt là CODUPHA, là một trong hai công ty dược phẩm nhà nước có chức năng phân phối thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và thiết bị y tế cho khu vực miền Nam.

Đến tháng 6 năm 1985 công ty lại một lần nữa được đổi tên thành công ty Dược Phẩm Trung Ương 2 với tên giao dịch quốc tế là The Central Pharmaceutical No.2 và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là CODUPHA.

Năm 1993, căn cứ Nghị định số 388 – HĐBT ngày 07/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng Bộ Y tế ra quyết định số 409/BYT-QĐ thành lập doanh nghiệp

nhà nước: Công ty Dược phẩm Trung ương 2 thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam (Vinapharm) dưới sự giám sát của Bộ Y tế. CODUPHA được cấp giấy phép nhập khẩu số 1.19.1.012 GP ngày 05/11/1993.

Năm 2010, căn cứ nghị định 25/NĐ-CP Nghị định của Chính phủ ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính Phủ về việc chuyển đổi Công ty nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Quyết định 046/QĐ-TCT Quyết định của Tổng công ty ngày 29 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty Dược phẩm trung ương 2 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, Công ty Dược Phẩm Trung ương 2 chính thức được đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Phẩm Trung ương 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300483319 do Sở Kế hoạch & Đầu tư cấp ngày 18/8/2010 và tên giao dịch CODUPHA vẫn giữ nguyên không thay đổi.

CODUPHA có trụ sở chính đặt tại: số 334 (số cũ 136) đường Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM.

☎ Điện thoại: (08) 38 650 834

✉ Fax: (08) 38 650 750

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300483319, do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/08/2010.

Hiện nay công ty có 6 chi nhánh :

- Chi nhánh Hà Nội
- Chi nhánh Hải Phòng
- Chi nhánh Thành phố Vinh
- Chi nhánh Quảng Ngãi
- Chi nhánh Tây Nguyên
- Chi nhánh Cần Thơ

Và nhà máy sản xuất dược phẩm tại nước CHDCND Lào (Codupha Lào)

****Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung ương 2 - chi nhánh Hải Phòng.***

Để đáp ứng được quy mô phát triển của công ty, cũng như tạo ra những điều kiện thuận lợi trong quá trình phân phối thuốc thì công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung ương 2 đã quyết định thành lập chi nhánh ở Hải Phòng vào năm 2009 theo quyết định của ban lãnh đạo công ty.

Do đó chi nhánh công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung Ương 2 tại Hải Phòng được thành lập vào năm 2009. Sau đây gọi tắt là “ Chi nhánh ”
Hiện nay chi nhánh này nằm ở số 16 Lê Đại Hành - Phường Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng.

☎ Điện thoại : 0313.569.367

✉ Fax : 0313.569.575

MST: 0300483319 014

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0216000143 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 02/06/2009.

Tài khoản: 10069286 Tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu- chi nhánh Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh nguyên liệu ngành dược và dược phẩm. Kinh doanh mỹ phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, đông dược, hóa chất các loại (trừ hóa chất độc hại), phụ liệu để sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh, bao bì và các sản phẩm y tế khác, sản phẩm vệ sinh, tinh dầu, hương liệu, dầu động thực vật, dụng cụ y tế thông thường, máy móc thiết bị dược, bông, băng gạc, kính mắt, kính thuốc, hóa chất xét nghiệm và kiểm nghiệm phục vụ cho ngành y tế.

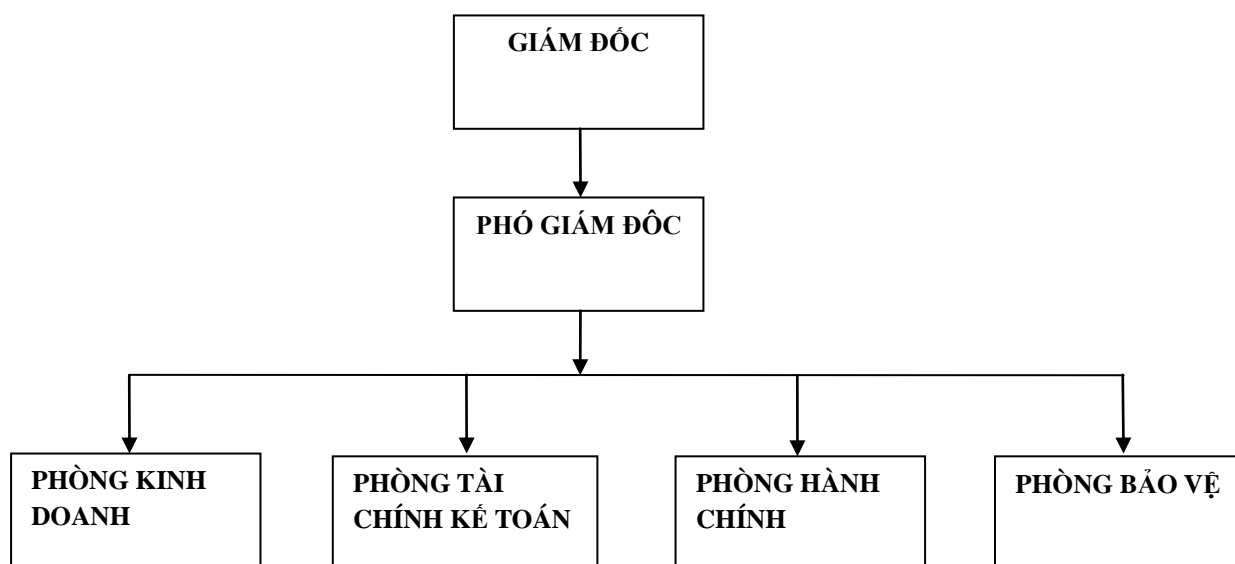
Trong những năm đầu kinh doanh , với lượng vốn không nhiều, nhưng do nắm bắt được nhu cầu của thị trường, ban giám đốc của chi nhánh Công ty đã không ngừng nỗ lực, tìm tòi và đưa ra những phương hướng đúng đắn, phù hợp với nền kinh tế. chính vì vậy mà tuy thập niên mới chỉ được 5 năm nhưng đến nay chi nhánh Công ty đã gặt hái được nhiều thành công, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, tạo được uy tín lớn trên thị trường.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

Đây là một trong những nguồn lực quan trọng, quyết định hoạt động của chi nhánh. Do đó cần phải sắp xếp nhân lực và tổ chức bộ máy quản lý hợp lý với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp để thấy rõ được năng suất lao động chung và của từng người ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Bộ máy quản lý tại chi nhánh tổ chức theo mô hình trực tuyến tham mưu, Với cơ cấu này các phòng ban có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc.

Theo mô hình này thì giám đốc là người đứng đầu, giúp việc cho giám đốc gồm phó giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng được khái quát bằng sơ đồ 2.1



Sơ đồ 2.1 - Tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

Giám đốc: là cấp cao nhất trong chi nhánh, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước nhà nước và đối với toàn bộ tập thể cán bộ nhân viên của công ty. Quản lý chung về các mặt: tổ chức nhân sự, tài sản, kế hoạch cung ứng và tài sản. Có quyền quyết định tất cả các hoạt động của chi nhánh và của từng cá nhân theo luật doanh nghiệp và luật dược. Dưới giám đốc có các phó giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban giúp việc cho giám đốc.

Phó giám đốc: là cấp dưới của giám đốc có nhiệm vụ trợ giúp cho giám đốc, phụ trách chuyên môn, kỹ thuật. Tham mưu cho giám đốc về các hoạt động chuyên môn được trong chi nhánh. Xây dựng kế hoạch học tập chuyên môn trong chi nhánh. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy chế, quy định của Bộ y tế, Sở y tế. Tổ chức kiểm tra nội bộ về việc thực hiện các quy chế và quy định của các cấp tại các bộ phận: kho, kinh doanh cung ứng, vận chuyển trong chi nhánh. Ngoài ra phó giám đốc có chức năng thừa lệnh của giám đốc, quản lý và ký thay khi giám đốc đi vắng và ủy quyền cho .

Tại các phòng ban thì các trưởng phòng có nhiệm vụ giúp phó giám đốc, giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn cụ thể và điều hành hoạt động của các phòng ban trong chi nhánh theo tổ chức. Dưới trưởng phòng là các nhân viên có trách nhiệm trợ giúp trưởng phòng đối với công việc của phòng cụ thể là:

Phòng kinh doanh: có chức năng là lập kế hoạch kinh doanh và thực hiện kế hoạch kinh doanh: cung ứng thuốc cho chi nhánh và bán thuốc cho các đối tượng : bệnh viện, công ty, nhà thuốc.... Tổ chức hệ thống Marketing và các hoạt động hỗ trợ cho công tác bán hàng, khai thác thị trường đã có và thị trường mới. Xem xét ký kết các hợp đồng bán hàng giao dịch, liên hệ với khách hàng lệnh cho thủ kho xuất hàng theo yêu cầu đã được xem xét và trao đổi với khách hàng.

Phòng tài chính kế toán: có chức năng xây dựng chiến lược để tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán cụ thể là:

- Phản ánh ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của chi nhánh một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng phương pháp quy định

- Thu thập, phân loại và xử lý, tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động kinh doanh của chi nhánh nhằm xây dựng, cung cấp thông tin về hoạt động cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau, tiến hành tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính

- Thực hiện phân tích tình hình tài chính, đề xuất các biện pháp cho ban

lãnh đạo chi nhánh để có đường lối phát triển đúng đắn, đạt hiệu quả cao nhất trong công tác quản trị doanh nghiệp

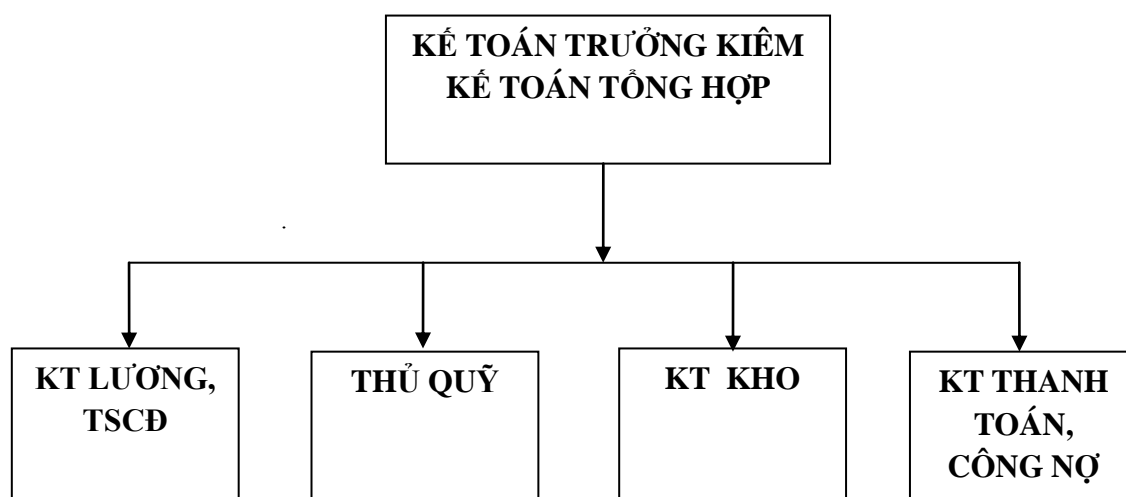
Phòng hành chính: Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu kinh doanh đề ra. Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của doanh nghiệp.

Mỗi phòng ban có nhiệm vụ và chức năng riêng song lại có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau mà thiếu một trong những bộ phận đó sẽ làm ảnh hưởng đến bộ phận khác và đặc biệt là gây rối loạn trong quá trình hoạt động kinh doanh của chi nhánh làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Phòng bảo vệ: có nhiệm vụ bảo vệ mọi tài sản thuộc phạm vi quản lý của Chi nhánh. Kiểm tra hàng hoá vật tư xuất ra, mua vào có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định hay không.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán

Mỗi một bộ phận kế toán đều giữ những chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cụ thể như sau:

Kế toán trưởng: Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo

trước khi trình Giám đốc, đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ; Tham mưu cho giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất kinh doanh. Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính toán kết quả kinh doanh.

Kế toán lương, TSCĐ : Tính toán chính xác chế độ các khoản tiền lương, thưởng. Phản ánh đầy đủ các khoản tình hình thanh toán đối với nhân viên trong chi nhánh. Đồng thời ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số hiện có và tình hình tăng giảm TSCĐ của chi nhánh, tính toán chính xác, kịp thời số liệu khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ vào các đối tượng sử dụng TSCĐ, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ.

Thủ quỹ : có nhiệm vụ là người quản lý quỹ tiền mặt của chi nhánh, thu chi tiền mặt phải có chứng từ, cuối ngày lập báo cáo quỹ.

Kế toán kho: có nhiệm vụ phụ trách kế toán hàng tồn kho, theo dõi sự biến động về hàng tồn kho, lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho về số lượng cũng như giá trị của từng loại. Có nhiệm vụ hạch toán đầy đủ, chính xác tình hình tiêu thụ hàng hoá cùng các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ. Lập hoá đơn bán hàng, lập bảng kê hàng hoá tiêu thụ.

Kế toán thanh toán, kế toán công nợ : viết phiếu thu – chi hàng ngày và cuối ngày đối chiếu với thủ quỹ, kiểm kê quỹ và chuyển giao chứng từ cho kế toán trưởng .Thanh toán, theo dõi công nợ, đơn đốc thu hồi nợ, tham gia lập báo cáo quyết toán và các báo cáo kế toán định kỳ; lập kế hoạch tín dụng, vốn kinh doanh, kế hoạch tiền mặt hàng tháng, quý, năm gửi tới ngân hàng nơi chi nhánh có tài khoản. đồng thời có nhiệm vụ tập hợp hồ sơ, lập biên bản đối chiếu, biên bản làm việc từng lần với từng chủ nợ, hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán, yêu cầu khách hàng trả nợ.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp : Bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo thông tư số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

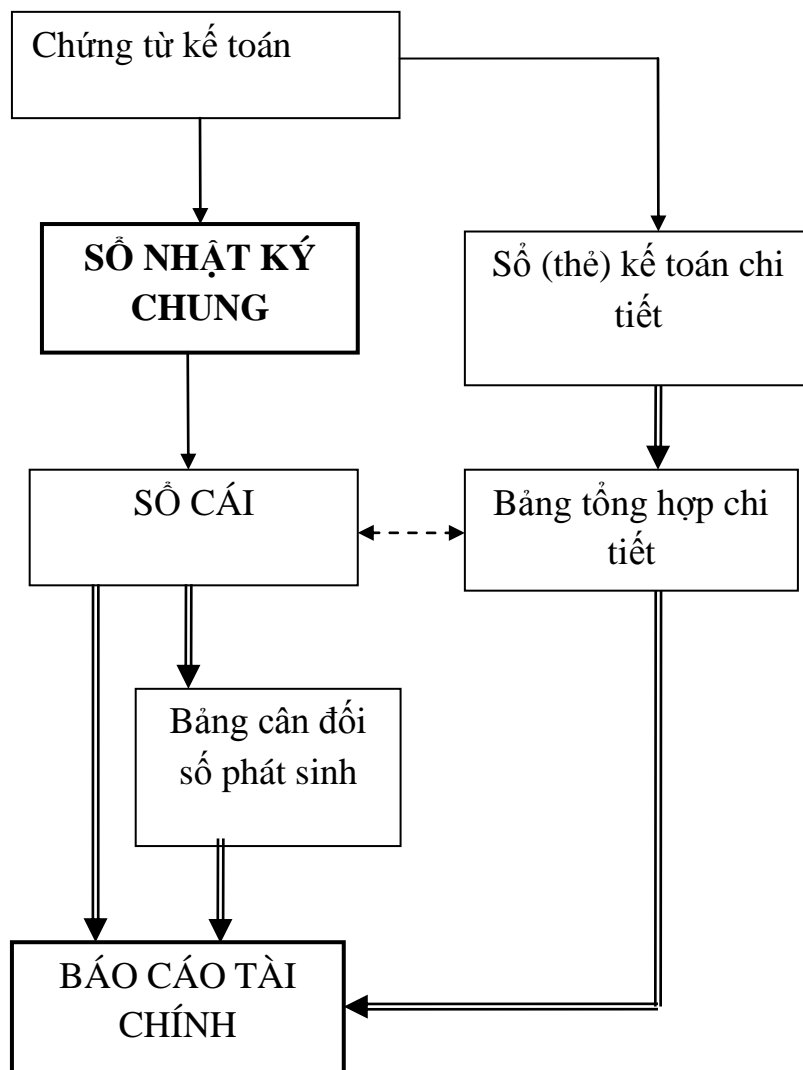
Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương II tại Hải Phòng đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung”

Công tác kế toán tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng thực hiện phần lớn trên máy vi tính nhưng không áp dụng trên phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên các bảng Word và Excel .

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết

Sơ đồ 2.3 - Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Chi nhánh



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi vào cuối kỳ hoặc định kỳ
- ←- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Chi nhánh đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Và các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành, kỳ lập báo cáo là năm.

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02- DN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09- DN)

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như : Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo thuế,...

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng .

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng tại Chi nhánh công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

Hiện nay Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương II tại Hải Phòng chuyên phân phối, kinh doanh nguyên liệu ngành dược và dược phẩm , kinh doanh các mặt hàng hóa : thuốc tân dược, các dụng cụ y tế thông thường, bông, băng, gạc, hóa chất xét nghiệm, các sản phẩm y tế khác. Vì vậy, doanh thu bán hàng của Chi nhánh là doanh thu bán các loại hàng hóa.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay dược phẩm luôn là mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu nên có thị trường và số lượng người tiêu dùng rộng lớn. Tuy nhiên, chính vì là mặt hàng thiết yếu nên có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh, dẫn đến thu hẹp thị phần .

❖ Phương thức bán hàng.

Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và phân phối hàng hóa.

✓ Các phương thức bán hàng chủ yếu của Chi nhánh:

Hiện nay chi nhánh công ty tiến hành bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này, công tác bán hàng ở chi nhánh công ty được thực hiện dưới các hình thức sau:

- *Bán buôn*: là hình thức bán chủ yếu của Chi nhánh, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa . Theo hình thức này

Chi nhánh ký hợp đồng bán hàng với các khách hàng, căn cứ vào hợp đồng
Chi nhánh xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

- *Bán lẻ* : Khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của chi nhánh để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu. Hàng hoá bán lẻ chủ yếu phục vụ trực tiếp người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

➤ **Các phương thức thanh toán**

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt : áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán chậm : Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Phương thức này được chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng .

2.2.1.2. *Chứng từ và tài khoản sử dụng*

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 511 : “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản khác có liên quan.

2.2.1.3. *Quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng.*

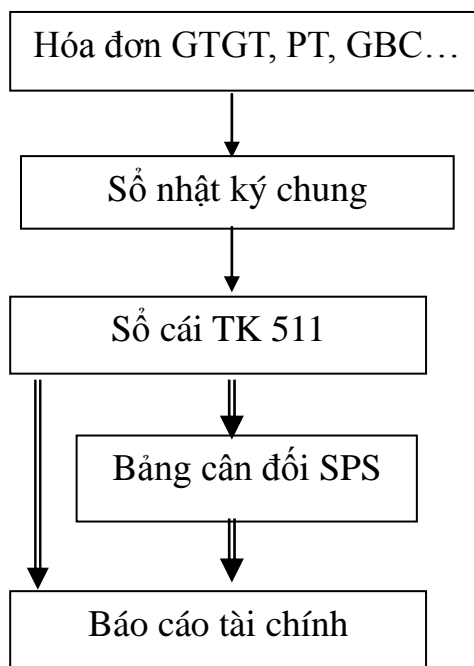
Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái TK511.

Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân

đối số phát sinh. Đồng thời, cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

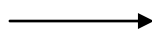
- ✓ Quy trình kế toán doanh thu bán hàng của Chi nhánh được khái quát bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4- Quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Chi nhánh

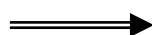


Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày



Ghi sổ cuối tháng



- ✓ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1 : Ngày 17/12/2012 Chi nhánh bán cho công ty TNHH Dược phẩm Hai Bà Trung thuốc Peginteron 2B 80MCG với đơn giá 1.898.400 đồng/ lọ, VAT 5% , đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 39.866.400

Có TK 511: 37.968.000

Có TK 3331: 1.898.400

Kế toán tiến hành ghi hóa đơn GTGT số 0005142 (Biểu 2.1) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng , công ty Dược phẩm Hai Bà Trung chuyển tiền qua ngân hàng , Chi nhánh nhận được giấy báo Có 1712 ngày 17/12 của ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu – chi nhánh Hải Phòng (Biểu số 2.2) thông báo về số tiền đã nhận được. Từ hóa đơn GTGT số 0005412 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung , kế toán vào Sổ Cái TK511 (Biểu số 2.4)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HÓA ĐƠN (GTGT)

Mẫu số 01: GTKT-3LL

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/12P

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Số: 0005142

Đơn vị bán hàng: **CN công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng**

Mã số thuế: 0300483319-014

Địa chỉ: 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng- Hải Phòng

Điện thoại: 031.3569367 Fax: 031.3569575

Số tài khoản: 10069286 Tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu- CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Nguyễn thị Nguyệt

Tên đơn vị: Công ty TNHH Dược Phẩm Hai Bà Trưng

Mã số thuế: 0200515699

Địa chỉ: 319 Hai Bà Trưng - HP

Hình thức thanh toán: CK .Số Tài khoản:.....

:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4 x 5
01	PEGINFERON 2B 80MCG	Lọ	20	1.898.400	37.968.000
Cộng tiền hàng					37.968.000
Thuế suất GTGT 5% Tiền thuế GTGT					1.898.400
Tổng cộng tiền thanh toán :					39.866.400
Số tiền viết bằng chữ: Ba chín triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm đồng.					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 0005412

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu

Hải Phòng Branch

MST: 2700113651

PHIẾU BÁO CÁO

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CN Cty TNHH MTV Dược phẩm TW2 tại HP

Địa chỉ: 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng

TP. Hải Phòng

Giấy phép kinh doanh: 0300483319014

MST: 0300483319014

GP-Bank xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Số tài khoản: 10069286

Loại tiền: VNĐ

Loại tài khoản: VNĐ-TGTT- CNCT TNHH MTV DP TW2

Số bút toán hạch toán: FT1235291108/BNK

Nội dung

Số tiền

CITAD Inward Payment:

39.866.400

Tổng số tiền:

39.866.400

Số tiền bằng chữ: Ba chín triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm đồng.

Diễn giải: CY TNHH DP HAI BA TRUNG THANH TOAN TIEN HANG.

Lập phiếu

(Ký tên, đóng dấu)

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2 : GBC 1712 ngày 17/12/2012 , ngân hàng CPTM Dầu khí Toàn Cầu – chi nhánh HP

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
17/12	PX 35/12	17/12	Xuất kho bán thuốc Peginferon Alfa 2B 80MCG	632 156	33.800.000	33.800.000
17/12	GBC 1712	17/12	Bán thuốc cho cty TNHH DP Hai Bà Trung	112 511 3331	39.866.400	37.968.000 1.898.400
19/12	PC63/12	19/12	Chi tiền tiếp thị	641 111	2.000.000	2.000.000
22/12	PC69/12	22/12	Chi tiền mua VPP	642 133 111	2.990.000 299.000	3.289.000
23/12	PX36/12	23/12	Xuất kho bán thuốc Dextrose 5% 500ml	632 156	984.600	984.600
23/12	HĐ000 6205	23/12	Bán thuốc cho chi Hoa – Vĩnh Bảo	131 511 3331	1.260.000	1.200.000 60.000
...
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3 – Sổ nhật ký chung (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý IV			
					
16/11	HĐ0003154	16/11	Bán dây truyền dịch KN1 cho bệnh viện Việt Tiệp HP	131	...	8.450.000
17/12	GBC 1712	17/12	Bán thuốc Peginteron 2B 80MCG cho công ty TNHH Dược phẩm Hai Bà Trưng, thanh toán bằng TGNH	112		37.968.000
23/12	HĐ0006205	23/12	Bán thuốc Dextrose 5% 500ml cho NT Quỳnh Hoa	131		1.200.000
					
31/12	PKT 01/12	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4/2012	911	13.013.081.760	
			Cộng phát sinh		13.013.081.760	13.013.081.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.4 – Sổ Cái TK 511 (trích)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

2.2.1.4. Nội dung giá vốn hàng bán .

Giá vốn hàng bán tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng là trị giá vốn hàng hóa xuất bán. Chi nhánh áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả.

Hàng hóa của chi nhánh được nhập từ hai nguồn các nguồn khác nhau : đó là từ nguồn hàng nhập khẩu và nguồn hàng trong nước. Trong đó, nguồn hàng trong nước bao gồm nguồn nhập nội bộ và nguồn nhập khác. Các mặt hàng dược phẩm của Chi nhánh được sản xuất tại nhiều nước trên thế giới như: Ấn Độ, Đức, Pháp, ... và cả hàng Việt Nam sản xuất.

Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

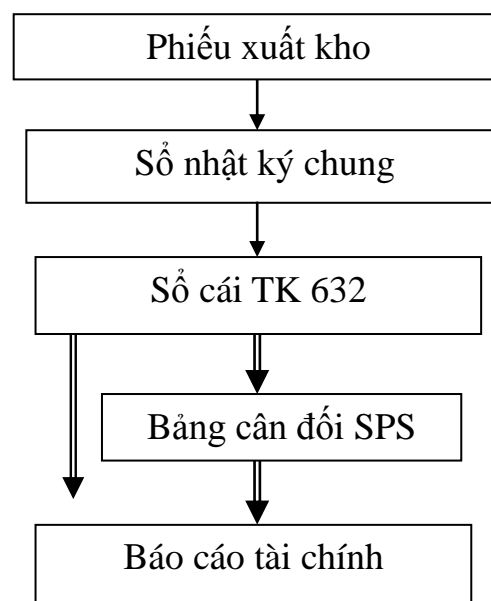
2.2.1.5. Chứng từ và tài khoản sử dụng..

- Chứng từ kế toán sử dụng :
 - Phiếu xuất kho;
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản kế toán sử dụng:
 - TK 632 – Giá vốn hàng bán.
 - TK 156 – Giá vốn hàng hóa.

2.2.1.6. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

- ✓ Quy trình kế toán giá vốn của Chi nhánh được khái quát bằng sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5- Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh



Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày →

Ghi sổ cuối tháng ==>

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632.

- Cuối quý, năm kế toán tập hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập Báo cáo tài chính.

✓ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 2 (minh họa tiếp ví dụ 1)

- Ngày 17/12/2012 Chi nhánh bán cho công ty TNHH Dược phẩm Hai Bà Trung thuốc Peginteron Alpha 2B 80MCG với đơn giá 1.898.400 đồng/lọ, VAT 5%, đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 33.800.000

Có TK 156: 33.800.000

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 35/12 (biểu 2.5), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.6). Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632 (Biểu 2.7).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DUỠC PHẨM TW2 - HP

Mẫu số 02 – VT

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

TK Nợ: 632

Số: PX35/12

TK Có : 156

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Thị Nguyệt
- Lý do xuất kho: Xuất bán
- Xuất tại: Kho hàng hóa.

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
0 1	Peginferon Alpha 2B 80MCG	1PE 03	chai	20	20	1.690.000	33.800.000
	Cộng						33.800.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo : 01 HĐGTGT

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 – Phiếu xuất kho số 35/12

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DNN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
17/12	PX 35/12	17/12	Xuất kho bán thuốc Peginteron Alfa 2B 80MCG	632 156	33.800.000	33.800.000
17/12	HĐ000 5142	17/12	Bán thuốc cho cty TNHH DP Hai Bà Trưng	112 511 3331	39.866.400	37.968.000 1.898.400
19/12	PC63/12	19/12	Chi tiền tiếp thị	641 111	2,000,000	2,000,000
22/12	PC69/12	22/12	Chi tiền mua VPP	642 133 111	2,990,000 299,000	3,289,000
23/12	PX 36/12	23/12	Xuất kho bán thuốc Dextrose 5% 500ml	632 156	984.600	984.600
23/12	HĐ000 6205	23/12	Bán thuốc cho chi Hoa – Vĩnh Bảo	131 511 3331	1.260.000	1.200.000 60.000
...
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 – Sổ nhật ký chung (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý IV			
.....
15/12	PX24/12	15/12	Bán thuốc cho công ty CP DP Hậu Vũ	156	6.845.000	
17/12	PX35/12	17/12	Bán thuốc Peginteron 2B 80MCG cho công ty TNHH Dược phẩm Hai Bà Trưng, thanh toán bằng TGNH	156	33.800.000	
23/12	PX36/12	23/12	Bán thuốc Dextrose 5% 500ml cho NT Quỳnh Hoa	156	984.600	
26/12	PX37/12	26/12	Bán dây truyền dịch KN1 cho bệnh viện Việt Tiệp HP	156	7.980.000	
31/12	PKT 02/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán quý IV/2012	911		12.302.965.830
			Cộng phát sinh		12.302.965.830	12.302.965.830

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.7 – Sổ Cái TK 632 (trích)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

2.2.3.1 Nội dung của chi phí bán hàng tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa bao gồm: chi phí chào bán, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí chung của chi nhánh bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) , BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý, chi tiền tiếp khách, hội nghị, chi tiền mua văn phòng phẩm, ...

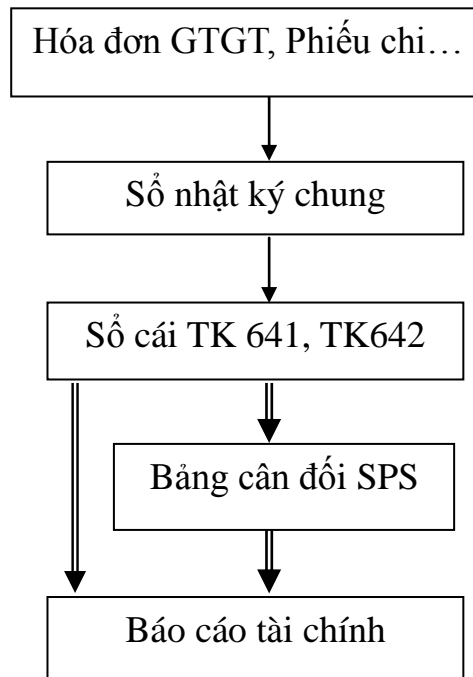
2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường;
 - Giấy bảo Nợ của ngân hàng;
 - Phiếu chi ;
 - Bảng phân bổ tiền lương;
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 641 – Chi phí bán hàng.
 - TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.3. Quy trình kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.

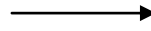
- ✓ Quy trình kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 2.6

Sơ đồ 2.6- Quy trình kế toán chi phí bán hàng tại Chi nhánh

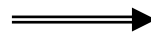


Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày



Ghi sổ cuối năm



Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT,...kế toán viết phiếu chi (hoặc giấy báo Nợ của ngân hàng) kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung .

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 641; Sổ Cái TK 642.

Cuối quý, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh . Cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 3: Ngày 16/12/2012 chi nhánh chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại của bộ phận bán hàng với số tiền 3.107.767 đồng.

Kế toán hạch toán:	Nợ TK 641 :	2.825.243
	Nợ TK 133:	282.524
	Có TK 111:	3.107.767

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (Biểu số 2.8) và các chứng từ có liên quan kế toán lập Phiếu chi (Biểu số 2.9),

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10).

Từ số liệu sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 641 (Biểu 2.11)

Ví dụ 4: Ngày 29/12/2012 chi nhánh chi tiền mặt mua văn phòng phẩm với số tiền 3.289.000 đồng.

Kế toán hạch toán:	Nợ TK 642 :	2.990.000
	Nợ TK 133:	299.000
	Có TK 111:	3.289.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00685 của công ty TNHH TM và DV Minh Huy (Biểu số 2.12) ,kế toán lập Phiếu chi (Biểu số 2.13), vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14); Từ số liệu sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 642 (Biểu 2.15)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
Ký hiệu: AC/2012T
Số: 188722

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng - TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name):

MST: 0300483319 014

Chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng

Địa chỉ (Address): 16 Lê Đại Hành – Minh Khai – Hồng Bàng - HP

Số điện thoại (Tel): 3569367

Mã số (code): HPG-10-001291 (Q_HBANG_42)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG : 11/2012				
a. Cước dịch vụ Viễn thông				2.825.243
b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế:				0
c. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
d. Khuyến mại				0
e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a+b+c+d) Công tiền dịch vụ (Total) (1) :				2.825.243
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2) :				282.524
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2)				3.107.767

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba triệu một trăm linh bảy ngàn bảy trăm sáu bảy đồng

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày ... tháng ... năm ...
Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu 2.8 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông

CTY TNHH MTV DU'ỢC PHẨM TW2

Mẫu số 02-TT

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Số: PC43/12

TK Nợ 641: 2.825.243

TK Nợ 133: 282.524

TK Có 111: 3.107.767

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ: số 4 Lạch Tray – Ngô Quyền –Hải Phòng.

Lý do chi: **Chi tiền thanh toán cước điện thoại.**

Số tiền: 3.107.767 VND (viết bằng chữ) **Ba triệu một trăm linh bảy ngàn bảy trăm sáu bảy đồng.**

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc :

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Giám đốc (ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký,họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)
-----------------------------------	--------------------------------	-------------------------	---------------------------------	---------------------------------

Biểu 2.9 – Phiếu chi số 63/12

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
13/12	PX 20/12	13/12	Bán hàng hóa cho chị Hương -Giá vốn	632 156	984.600	984.600
13/12	HD000 5011	13/12	Bán hàng hóa cho chị Hương -Giá bán	131 511 3331	1.260.000	1.200.000 60.000
16/12	PC 43/12	16/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	641 133 111	2.825.243 282.524	3.107.767
					
29/12	PC69/12	29/12	Chi tiền mua VPP	642 133 111	2,990,000 299,000	3,289,000
31/12	PNH 121/12	31/12	Lãi vay trả NH tháng 12	635 112	40,412,032	40,412,032
31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên tháng 12	641 334	39.081.900	39.081.900
					
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10 – sổ Nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
 Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý IV			
.....
15/12	HD0003789	15/12	Mua xăng dầu cho xe chở hàng	111	2.450.000	
16/12	PC 63/12	16/12	Thanh toán dịch vụ viễn thông	111	2.825.243	
					
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4/2012	911		375.197.554
			Cộng phát sinh		375.197.554	375.197.554

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu 2.11 – Sổ Cái TK 641 (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HÓA ĐƠN (GTGT)

Mẫu số 01: GTKT- 3LL

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: MH/12P

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Số: 00685

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM và DV Minh Huy Mã số thuế: 0200753987 Địa chỉ: 246 Lạch Tray- Ngô Quyền - Hải Phòng Điện thoại: 0313.587634 Số tài khoản: 0306000202 tại ngân hàng Á Châu					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CN công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương II tại Hải Phòng Địa chỉ: 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng- Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM/CK .Số Tài khoản: Mã số thuế: 0300483319-014					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4 x 5
01	<i>Giấy A4</i>	<i>gram</i>	15	120.000	1.800.000
	<i>Bút bi Thiên Long</i>	<i>Hộp</i>	240	4.958	1.190.000
Cộng tiền hàng					2.990.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT					299.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					3.289.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu hai trăm chín tám ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.12 – Hóa đơn GTGT công ty Minh Huy

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số 02-TT

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Số: PC69/12

TK Nợ 642: 2.990.000

TK Nợ 133: 299.000

TK Có 111: 3.289.000

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: ***Chi tiền mua văn phòng phẩm***

Số tiền: 3.289.000 VND (viết bằng chữ) ***Ba triệu hai trăm tám chín ngàn đồng.***

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc :

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Giám đốc (ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)
-----------------------------------	---------------------------------	-------------------------	---------------------------------	---------------------------------

Biểu số 2.13 – Phiếu chi mua văn phòng phẩm

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
13/12	PX 20/12	13/12	Bán hàng hóa cho chị Hương -Giá vốn	632 156	984.600	984.600
13/12	HĐ000 5011		Bán hàng hóa cho chị Hương -Giá bán	131 511 3331	1.260.000	1.200.000 60.000
					
29/12	PC 69/12	29/12	Chi tiền mua VPP	642 133 111	2.990.000 299.000	3.289.000
31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên tháng 12 bộ phận bán hàng	641 334	39.081.900	39.081.900
					
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14 – sổ Nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý IV			
.....
10/12	PC 27/12	10/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2012	111	3.646.800	
29/12	PC 69/12	29/12	Mua văn phòng phẩm	111	2.990.000	
					
31/12	PKT 06/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4/2012	911		272.931.645
			Cộng phát sinh		272.931.645	272.931.645

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu 2.15 – Sổ Cái TK 642 (trích)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

Hoạt động của Chi nhánh chú trọng chủ yếu vào việc bán hàng hóa ngành dược, cụ thể là thuốc tân dược và các thiết bị, dụng cụ y tế,... Chi nhánh không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu của Chi nhánh phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi vay nội bộ, tiền phí tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu báo Có, Phiếu báo Nợ của ngân hàng;
 - Phiếu chi;
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 515 : “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - TK 635 : “ Chi phí hoạt động tài chính”

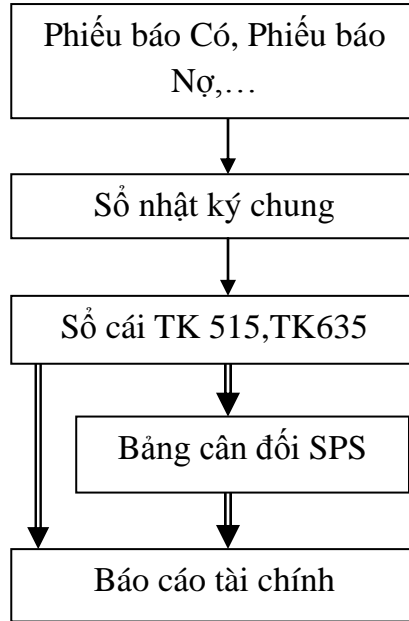
2.2.4.3. Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2- Hải Phòng.

Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh được khái quát qua sơ đồ 2.7

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 515, TK 635,...

Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.7- Quy trình kế toán chi phí bán hàng tại Chi nhánh



Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày



Ghi sổ cuối năm



➤ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 5: Ngày 31/12 ngân hàng TM CP Dầu khí Toàn Cầu – chi nhánh Hải Phòng trả lãi tiền gửi , số tiền: 1.861.758 đồng.

Ví dụ 6: Ngày 11/12 Chi nhánh trả cho ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu – chi nhánh Hải Phòng lãi vay của TKV số 1201801331 số tiền 16.800.000 đồng.

Tại ví dụ 5: Căn cứ vào Phiếu báo Có số 3112 (Biểu số 2.16). Tại ví dụ 6: Căn cứ vào Phiếu báo Nợ số 3112 (Biểu số 2.19) .

Kế toán định khoản:

✓ PBC 3112

Nợ TK 112 : 1.861.758

Có TK 515: 1.861.758

✓ PBN 1112

Nợ TK 635: 16.800.000

Có TK 112: 16.800.000

Từ PBC số 3112. PBN số 1112, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17), (Biểu số 2.20) .

Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 515 (Biểu số 2.18), sổ Cái TK635 (Biểu số 2.21)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu

Hải Phòng Branch

MST: 2700113651

PHIẾU BÁO CÁO

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CN Cty TNHH MTV Dược phẩm TW2 tại HP

Số tài khoản: 10069286

Địa chỉ: 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng

Loại tiền: VNĐ

TP. Hải Phòng

Loại tài khoản: VNĐ-TGTT- CNCT TNHH MTV DP TW2

Giấy phép kinh doanh: 0300483319014

Số bút toán hạch toán: FT1235291108/BNK

MST: 0300483319014

GP-Bank xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
CITAD Inward Payment:	1.861.758
Tổng số tiền:	1.861.758
Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm sáu một ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng.	
Diễn giải: Lãi tiền gửi tháng 12	

Lập phiếu

(Ký tên, đóng dấu)

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16 – Phiếu báo có số 3112

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DNN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/10	PBC 3110	31/10	Ngân hàng GP-BANK trả lãi tiền gửi	112 515	468.850	468.850
					
19/12	PC63/12	19/12	Chi tiền tiếp thị	641 111	2.000.000	2.000.000
29/12	PC69/12	29/12	Chi tiền mua VPP	642 133 111	2.990.000 299.000	3.289.000
31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên bán hàng tháng 12	641 334	39.081.900	39.081.900
31/12	PC100/12	31/12	Trả lương nhân viên tháng 12	334 111	39.081.900	39.081.900
31/12	PBC 3112	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112 515	1.861.758	1.861.758
					
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17 – Sổ nhật ký chung (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý IV			
.....
31/10	PBC3110	31/10	Ngân hàng GP-BANK trả lãi tiền gửi	112		468.850
					
31/12	GBC3112	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		1.861.758
31/12	PKT 01/12	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2012	911	7.287.305	
			Cộng phát sinh		7.287.305	7.287.305

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.18 – Sổ Cái TK 515 (trích)



Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu

Hải Phòng Branch

MST: 2700113651

PHIẾU BÁO NỢ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CN Cty TNHH MTV Dược phẩm TW2 tại HP

Số tài khoản: 10069286

Địa chỉ: 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng

Loại tiền: VNĐ

TP. Hải Phòng

Loại tài khoản: VNĐ-TGTT- CNCT TNHH MTV DP TW2

Giấy phép kinh doanh: 0300483319014

Số bút toán hạch toán: FT1234630208

MST: 0300483319014

GP-Bank xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Tổng số tiền:

16.800.000

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng.

Diễn giải: Thu lãi TKV số 1201801331

Lập phiếu

(Ký tên, đóng dấu)

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 – Phiếu báo Nợ số 1112

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DNN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh		
	SH	NT			Nợ	Có	
						
06/12	PBN 0612	06/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111 112	100.000.000		100.000.000
11/12	PBN 1112	11/12	Trả lãi vay ngân hàng	635 112	16.800.000		16.800.000
19/12	PC63/12	19/12	Chi tiền tiếp thị	641 111	2,000,000		2,000,000
21/12	PBN 2112	21/12	Trả lãi vay ngân hàng	635 112	12.000.000		12.000.000
31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên bán hàng tháng 12	641 334	39.081.900		39.081.900
31/12	PC 100/12	31/12	Trả lương nhân viên tháng 12	334 111	39.081.900		39.081.900
31/12	PBC 3112	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112 515	1.861.758		1.861.758
						
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20 – Sổ nhật ký chung (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý IV			
.....
31/10	PBN3110	31/10	Trả lãi vay ngân hàng	112	13.000.000	
					
11/12	PBN1112	11/12	Trả lãi vay ngân hàng	112	16.800.000	
31/12	PKT 02/12	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính quý 4/2012	911		80.922.967
			Cộng phát sinh		80.922.967	80.922.967

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu 2.21 – Sổ Cái TK 635 (trích)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

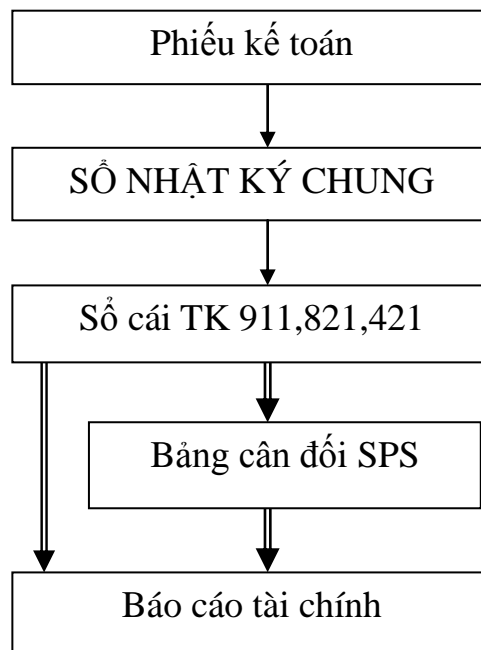
Trong năm 2012 tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 821 – Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
 - TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các tài khoản liên quan

2.2.6.2. Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng. (Sơ đồ 2.7)



Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày →

Ghi sổ cuối năm ==>

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

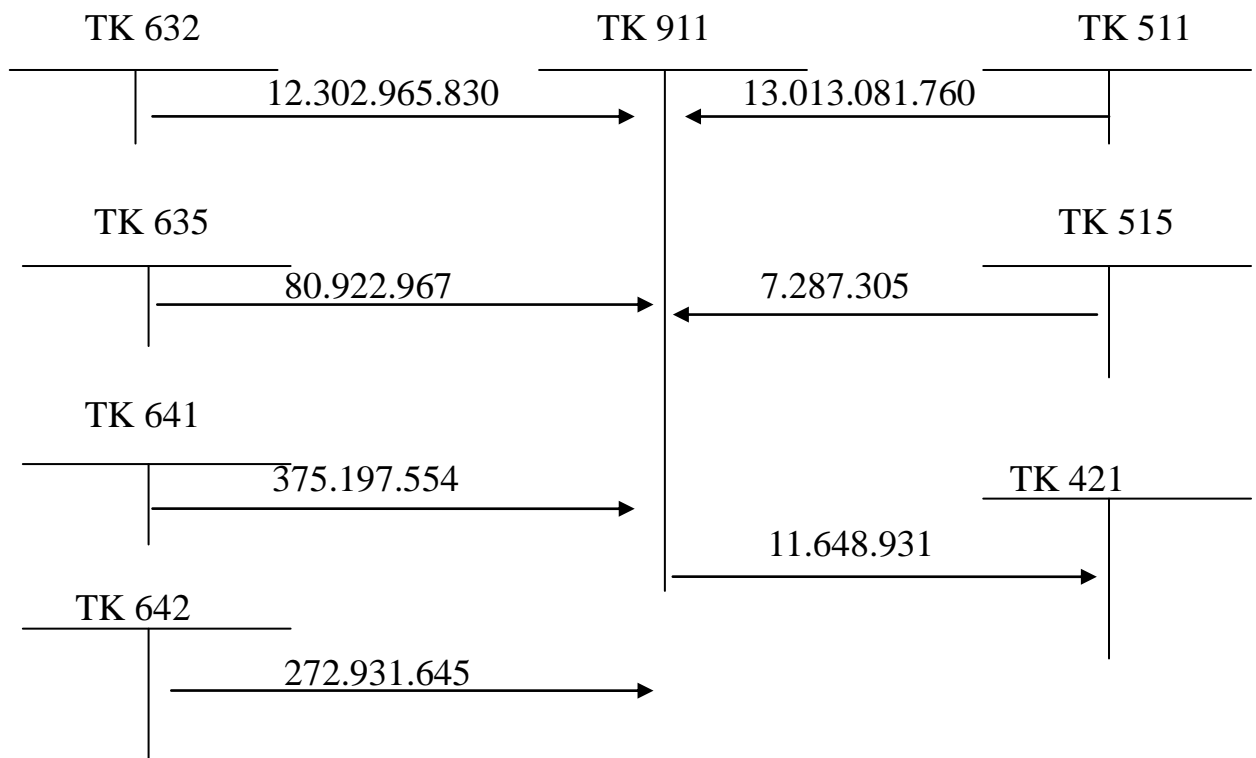
Cuối kỳ, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số liệu thuế TNDN phải nộp (nếu có). Kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan.

✓ **Ví dụ minh họa : Khảo sát số liệu Quý IV năm 2012.**

Cuối tháng 12 kế toán Chi nhánh thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào Phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán, kế toán vào các sổ sách liên quan.

Trong quý IV/2012 tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng Tổng chi phí cao hơn Tổng doanh thu. Vì vậy, tại quý IV Chi nhánh xác định kết quả kinh doanh là lỗ, nên không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí được khái quát bằng sơ đồ sau:



-Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên Phiếu kế toán (Từ biểu số 2.22 đến 2.24). Từ các phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.25) .Từ sổ nhật ký chung , kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.26)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 01/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2012	511	13.013.081.760	
	515	7.287.305	
	911		13.020.369.065
Cộng		13.020.369.065	13.020.369.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 2.22 – Phiếu kế toán số 01/12

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 02/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển các khoản chi phí quý 4/2012	911	13.032.017.996	
	632		12.302.965.830
	635		80.922.967
	641		375.197.554
	642		272.931.645
Cộng		13.032.017.996	13.032.017.996

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 2.23 – Phiếu kế toán số 02/12

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 03/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lỗ quý IV/2012	421	11.648.931	
	911		11.648.931
Cộng		11.648.931	11.648.931

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 2.24 – Phiếu kế toán số 03/12

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03a-DNN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý IV	511 911	13.013.081.760	13.013.081.760
			Kết chuyển doanh thu tài chính quý IV	515 911	7.287.305	7.287.305
31/12	PKT 03/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911 632	12.302.965.830	12.302.965.830
			Kết chuyển chi phí tài chính quý IV	911 635	80.922.967	80.922.967
			Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV	911 641	375.197.554	375.197.554
			Kết chuyển chi phí QLDN quý IV	911 642	272.931.645	272.931.645
31/12	PKT 03/12	31/12	Kết chuyển lỗ/lãi quý IV	421 911	11.648.931	11.648.931
					
			Cộng phát sinh		367.274.616.922	367.274.616.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 – Sổ nhật ký chung (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CTY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

Mẫu số S03b-DNN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4/2012	511		13.013.081.760
			Kết chuyển doanh thu tài chính quý 4/2012	515		7.287.305
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4/2012	632	12.302.965.830	
			Kết chuyển chi phí tài chính quý 4/2012	635	80.922.967	
			Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4/2012	641	375.197.554	
			Kết chuyển chi phí QLDN quý 4/2012	642	272.931.645	
31/12	PKT 03/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế quý 4/2012	421		11.648.931
			Cộng phát sinh		13.032.017.996	13.032.017.996
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26 : sổ cái TK911 (trích)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

BỘ Y TẾ

Mẫu số B02-DN

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

CTY DPTW 2 – Chi nhánh Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số kỳ này	Số kỳ trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13.013.081.760	11.219.452.340
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	13.013.081.760	12.219.452.340
4	Giá vốn hàng bán	11	12.302.965.830	11.661.592.760
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	710.115.930	557.859.580
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.287.305	5.608.774
7	Chi phí tài chính	22	80.922.967	72.705.783
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	80.922.967	72.705.783
8	Chi phí bán hàng	24	375.197.554	246.769.718
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	272.931.645	232.188.564
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(11.648.931)	11.604.289
11	Thu nhập khác	31		
12	Chi phí khác	32		
13	Lợi nhuận khác	40		
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(11.648.931)	11.604.289
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(11.648.931)	11.604.289
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

(*) *Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần*

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 – HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng

Từ những ngày đầu thành lập cho đến nay, chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng đã liên tục phát triển và lớn mạnh không ngừng. Để có được thành quả như vậy là nhờ vào sự năng động của bộ máy quản lý cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể các cán bộ công nhân viên trong chi nhánh công ty.

Chi nhánh đang tiếp tục hoàn thiện một số khâu trong kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế, cố gắng sắp xếp lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, lựa chọn đội ngũ nhân viên có tinh thần dám nghĩ, dám làm, Chi nhánh đã quan tâm hàng đầu đến chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn và hiệu quả đối với người tiêu dùng, mở rộng quy mô tiêu thụ hàng hóa... nhằm tăng sức cạnh tranh so với các đơn vị cùng ngành.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng, được tiếp nhận với thực tế công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán tài chính ,em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường . Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

3.1.1. Ưu điểm

- ***Về tổ chức bộ máy quản lý:***

Bộ máy quản lý của chi nhánh công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng từ ban giám đốc đến các phòng ban. Để thích ứng với tình hình kinh doanh của chi nhánh, thích ứng với cơ chế thị trường, chi nhánh đã tổ chức bộ máy hoạt động khá gọn nhẹ, giảm tối đa các bộ phận gián tiếp, không cần thiết và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám đốc. Với đội ngũ quản lý, nhân sự làm việc nhiệt tình, năng động, trung thực giúp cho lãnh đạo Chi nhánh có quyết định chính xác, kịp thời khi có những vấn đề khó khăn trong kinh doanh, giảm bớt được tình trạng tiêu cực trong quản lý.

- ***Về tổ chức bộ máy kế toán:***

- Bộ máy kế toán của Chi nhánh được tổ chức phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý của chi nhánh. Mỗi kế toán viên thực hiện nhiều vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

- Các nhân Viên phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình với nghề, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, vì thế công tác kế toán trong Chi nhánh đã phần nào giảm thiểu được sai sót, gian lận.

- Công tác kế toán tại chi nhánh đã phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế, theo dõi chặt chẽ tình hình kinh doanh nói chung và tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của từng năm.

- ***Về hình thức kế toán:***

Chi nhánh áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là một hình thức đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng, rất phù hợp đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

- ***Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng:***

Chi nhánh áp dụng các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại chi nhánh cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận, quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời, khoa học.

Chi nhánh sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách kế toán phản ánh doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sổ sách được mở đúng mẫu quy định, được ghi chép rõ ràng, chính xác.

Về phương thức hạch toán hàng tồn kho:

Chi nhánh hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của hàng hóa.

Về việc kê khai thuế:

Chi nhánh thực hiện đúng, đầy đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời Chi nhánh sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế GTGT do Nhà nước quy định.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

Các chi phí phát sinh được ghi chép kịp thời, hợp lý

Công tác tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

- *Về hệ thống sổ sách kế toán*

Tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng kinh doanh rất nhiều mặt hàng ngành dược khác nhau về chủng loại, mẫu mã, xuất xứ... Trong khi đó kế toán tại chi nhánh không mở sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán cho từng loại hàng hóa gây khó khăn cho việc theo dõi, xác định lợi nhuận gộp của từng loại hàng. Mặt khác chi nhánh cũng không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641, TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng tài khoản này.

- *Về việc tiến hành phân tích báo cáo kết quả kinh doanh*

Hiện nay tại chi nhánh mới dừng lại ở việc lập báo cáo kết quả kinh doanh mà chưa phân tích sâu các khoản mục trong báo cáo kết quả kinh doanh, đặc biệt chưa phân tích chi tiết sự biến động của các khoản mục chi phí, nên sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí kinh doanh.

- *Về việc lập dự phòng phải thu khó đòi.*

Hiện nay chi nhánh có nhiều khách hàng chậm thanh toán trong khi đó chi nhánh chưa lập dự phòng phải thu khó đòi gây khó khăn trong việc theo dõi các khoản thu khó đòi khiến cho doanh nghiệp không kịp thời đưa ra các biện pháp để bù trừ chi phí, ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí nói chung và chi phí quản lý doanh nghiệp nói riêng.

- *Về việc ghi chép sổ sách và áp dụng phần mềm kế toán*

Tại chi nhánh công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng công việc kế toán chủ yếu được tiến hành thủ công và thực hiện trên Word và Excel và chưa sử dụng phần mềm kế toán, khiến khối lượng công việc mà mỗi kế toán viên phải đảm nhiệm khá nhiều, gây sức ép khi tổng hợp số liệu và thông tin về chi phí dễ nhầm lẫn, sai lệch do sao chép các công thức tính toán, khó đảm bảo tính kịp thời, nhanh chóng, chính xác.

3.2. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung; kế toán chi phí nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau đây:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng.

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và những thông tin kiến thức đã học được em xin đưa ra một số giải pháp nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng như sau:

3.2.3.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Chi nhánh

Hiện nay, khi hạch toán giá vốn chi nhánh mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi giá vốn của từng mặt hàng .

Chi nhánh nên sử dụng sổ chi tiết giá vốn giúp kế toán nắm được chính xác giá vốn của từng mặt hàng, từ đó giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Chi nhánh chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh.

Chi nhánh nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp chi nhánh quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ , đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Dưới đây là biểu mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.1**)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị:.....
Địa chỉ:

Mẫu số S36-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH
 (Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 642, 142, 242, 335, 632)
 Tài khoản :
 Tên phân xưởng :
 Tên sản phẩm, dịch vụ :

Đơn vị tính

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK.....					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
					
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK ...							
			Số dư cuối kỳ							

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 3.3 : Sổ chi chi phí sản xuất kinh doanh

Ví dụ:

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 phần 2.2.1 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày ,kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng cụ thể .

Căn cứ vào phiếu xuất kho 35/12, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho mặt hàng thuốc Peginteron 2B 80MCG (**Biểu 3.2**).

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp . Kế toán tiến hành vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.3**) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV DPTW 2-
HP
16 Lê Đại Hành, hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 632

Tên sản phẩm, dịch vụ : thuốc Peginteron 2B 80MCG
Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong quý 4				
17/12	PX35/12	17/12	Bán hàng cho công ty TNHH DP Hai Bà Trung	156	33.800.000	20	1.690.000
						
			Cộng phát sinh trong quý 4				
			Ghi có TK 632	911			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2 : Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CTY TNHH MTV DPTW2- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ Tài khoản 641				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						6411	6412	6417
			-Số phát sinh quý 4						
16/12	PC43/12	16/12	Chi tiền thanh toán cước điện thoại bộ phận bán hàng	111	2.825.243			2.825.243	
								
			-Cộng số phát sinh						
			-Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.3 :Sổ chi tiết chi phí bán hàng

3.2.3.2. Phân tích các khoản chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh .

Nếu nói Sổ chi tiết liên quan đến các khoản doanh thu, chi phí cho ta góc nhìn chi tiết của thực trạng kinh doanh tại Doanh nghiệp thì việc phân tích báo cáo kết quả kinh doanh sẽ mang lại cách nhìn tổng quan hơn. Thông qua việc phân tích các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh, các nhà quản lý sẽ thấy rõ mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến lợi nhuận thuần của Doanh nghiệp, sự thay đổi của các nhân tố này trong từng thời kỳ khác nhau. Từ đó, đưa ra các giải pháp hợp lý nhằm nâng cao doanh số bán hàng cũng như việc làm cách nào để tiết giảm các chi phí nhằm đạt được mục tiêu quản lý của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, theo em Công ty nên sử dụng biện pháp này như là một công cụ hữu hiệu cho việc quản lý chi phí kinh doanh. Ngoài ra, nó còn là cơ sở để doanh nghiệp hoạch định các chiến lược kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	SO SÁNH 2011-2012	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.873.161.890	51.516.521.792	16.643.359.902	47.73%
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	0.00%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.873.161.890	71.516.521.792	16.643.359.902	30.33%
4	Giá vốn hàng bán	33.046.371.047	51.138.790.346	18.092.419.299	54.75%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.826.790.843	20.377.731.446	-1.449.059.397	(6.64)%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	50.435.099	39.149.221	-11.285.878	(22.38)%
7	Chi phí hoạt động tài chính	307.078.874	247.691.868	-59.387.006	(19.34)%
8	Chi phí bán hàng	928.754.258	1.110.626.942	181.872.684	19.58%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	590.823.133	691.726.573	100.903.440	17.08%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.050.569.677	18.366.835.284	-1.683.734.393	-8.40%
11	Thu nhập khác	-	--		0.00%
12	Chi phí khác	-	-	-	0.00%
13	Lợi nhuận khác				0.00%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.050.569.677	18.366.835.284	-1.683.734.393	-8.40%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.012.642.419	4.591.708.821	-420.933.598	-8.40%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	0.00%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.037.927.258	13.775.126.463	-1.262.800.795	-8.40%

Qua bảng phân tích Báo cáo KQHĐKD năm 2011 và năm 2012, ta thấy doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán năm 2012 so với 2011 đều tăng.

Giá vốn hàng bán năm 2012 tăng lên so với năm 2011 là 18.092.419.299 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 54.75%. Doanh thu bán hàng tăng thì đòi hỏi giá vốn hàng bán tăng. Đây là hoạt động bình thường của Chi nhánh. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu bán hàng. Đây là một xu hướng không tốt, chứng tỏ trong năm đã có sự đột biến tăng giảm quá mức. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên có thể là do lượng hàng hóa mua về đã nhập kho có sự biến động về giá khi các mặt hàng đó bán trên thị trường có xu hướng giảm giá bán nhưng giá mua về đang ở mức cao, Chi nhánh chỉ có thể bán với giá cả bằng hoặc nhỏ hơn thị trường. Vậy nên, trong thời gian tới Chi nhánh nên xây dựng cho mình các kế hoạch mua hàng dự trữ hợp lý và nên trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh .

Chi phí hoạt động tài chính năm 2012 so với 2011 giảm một lượng là 59.387.006 đồng tương ứng với tốc độ giảm 19.34%. Nguyên nhân của sự giảm chi phí hoạt động tài chính là do tại thời điểm năm 2012, lãi suất cho vay ngắn hạn của các Ngân hàng ở mức cao đã khiến cho chi nhánh có quyết định giảm hoạt động đi vay, và huy động nguồn vốn nội bộ từ công ty mẹ và các chi nhánh khác nhiều hơn.

Trong khi đó doanh thu hoạt động tài chính cũng giảm đáng kể khiến lợi nhuận của Chi nhánh cũng giảm . Trong thời gian tới, chi nhánh cần tìm cho mình những giải pháp hợp lý để khắc phục được tình trạng trên.

Chi phí bán hàng năm 2012 tăng 181.872.684 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng là 19.58% . Đây có thể được coi là ưu điểm trong trường hợp Chi nhánh trong năm 2012 đã tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư cho công tác bán hàng nhằm củng cố thương hiệu và đưa các mặt hàng mà chi nhánh kinh doanh đến với khách hàng nhiều hơn. Và là nhược điểm khi mà chi nhánh sử dụng lãng phí các chi phí như: chi phí tiếp thị, chào bán Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng 100.903.440 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng là 17.08%. Cũng giống như chi phí bán hàng ,đây có thể được xem là thành tích hoặc hạn chế của chi nhánh trong công tác quản lý chi phí QLDN. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng so với 2011, thể hiện chi phí về tiền lương cho nhân viên tăng nhiều, điều này cũng có nghĩa là chi nhánh đã làm ăn tốt và có hiệu quả hơn do đó tiền lương trả cho công nhân viên cao hơn tạo thêm tinh thần thoải mái giúp nhân viên trong

chi nhánh làm việc hăng say hơn. Ngược lại, là hạn chế do không lên kế hoạch về mức phí nhất định dẫn đến sử dụng lãng phí cho chi phí tiếp khách, chi phí mua văn phòng,...

Như vậy. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những giảm sút đáng kể. Điều đó thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 giảm 1.683.734.393 đồng tương ứng với tốc độ giảm 8.4%.

Kết luận:

Tóm lại, năm 2012 chi nhánh đã cố gắng giảm một số chi phí gây ảnh hưởng đến lợi nhuận kinh doanh như : chi phí hoạt động tài chính năm 2012 so với 2011 giảm 19,34%, điều này chứng tỏ chi nhánh làm ăn có lãi hơn. Nhưng tổng chi phí vẫn cao do giá vốn hàng bán tăng khá cao cộng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng so với 2011.

Do đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2012 nhỏ hơn so với năm 2011 là 1.683.734.393 đồng tương ứng với tốc độ giảm 8.4%. Đây có thể xem là khuyết điểm của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, trong công tác quản lý chi phí nói chung và đặc biệt là giá vốn hàng bán . Vì vậy, trong thời gian tới, Công ty cần xây dựng các biện pháp để khắc phục các hạn chế trên.

Một số giải pháp quản lý chi phí:

Chi phí là khoản bỏ ra để thực hiện doanh thu nhưng nó lại là các khoản chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp này sẽ có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh.

Để thực hiện tiết kiệm chi phí, em xin đưa ra một số biện pháp như sau:

- Mua hàng hóa phải mua ở những nguồn tin cậy, đảm bảo, không mua hàng có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, chất lượng không đảm bảo, hạn chế mua hàng nhiều nguồn sẽ khó khăn trong việc quản lý giá cả và nguồn gốc hàng hóa.

- Chi nhánh cần có những giải pháp giảm chi phí không cần thiết như: chi phí điện thoại, chi phí điện nước, chi phí tiếp thị bán hàng, quảng cáo...tránh tình trạng sử dụng tràn lan . Đối với chi phí hội họp, tiếp khách Chi nhánh cần có quy định cụ thể về số tiền được chi cho từng cuộc

hợp,...Ngoài ra Chi nhánh nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện . Cuối năm có những chính sách khen thưởng những cá nhân , tập thể tích cực và xử phạt đối với những cá nhân, bộ phận làm chưa tốt.

- Chi nhánh cần quản lý chặt chẽ theo từng yếu tố chi phí phát sinh, có kế hoạch, sắp xếp công việc kinh doanh một cách khoa học, hợp lý. Có kế hoạch và dự kiến cho từng khoản chi phí sử dụng, tránh tình trạng chi phí vượt nhiều so với kế hoạch. Để có thể thực hiện được những điều này, Chi nhánh phải tiến hành phân công công việc, giám sát quá trình thực hiện công việc một cách nghiêm túc, đối với những công việc phải tiêu tốn một khoản chi phí lớn thì nên đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, phương án nào tiết kiệm được chi phí, đem lại hiệu quả tối ưu thì lựa chọn , điều đó giúp Chi nhánh giảm thiểu rủi ro và tránh được sự bị động khi gặp sự cố.

3.2.3.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm TW2 – hải Phòng

➤ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

-Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng nợ về số tiền nợ, bao gồm :Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ , bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn , đang bị cơ quan pháp luật truy tố,...

- Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ.

➤ **Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

1. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng $\leq T < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $\leq T < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $\leq T < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T > 3$ năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

-Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng.

-Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Tài khoản sử dụng: TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi.

- *Kết cấu TK 139*

➤ *Bên Nợ:* - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;

- Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

➤ *Bên Có:* Số dự phòng phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Số dư bên Có: Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán:

NV1: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

NV2: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi).

NV3. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ. Việc xoá nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

NV4. Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

✓ *Ví dụ minh họa :*

Từ bảng kê công nợ (**Biểu 3.7**) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu 3.8**) vào ngày 31/12 như sau:

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2- HẢI PHÒNG

16 Lê Đại Hành – Minh Khai – Hồng Bàng – HP

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty THHH DP Bạch Đằng – Quảng Ninh	96.712.953			96.712.953		20 tháng 10 ngày
Cty CP Y tế Thanh Giang	80.365.531			80.365.531		25 tháng
Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền- HP	150.428.561		150.428.561			
Bệnh viện đa khoa Hồng Bàng	110.713.000	110.713.000				3 tháng
Cty TNHH TM DP Hải Thành	59.639.634			29.639.634		18 tháng 15 ngày
CN Cty CP dược phẩm Hải Phòng	80.434.952	80.434.952				2 tháng
Bệnh viện đa khoa Đồ Sơn	52.198.155			52.198.155		8 tháng
Nhà thuốc Hương Giang- Kiến An - HP	88.968.450		88.968.450			
Tổng cộng	719.461.236	191.147.259	239.397.011	258.916.273		

Biểu 3.7 : Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2012

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2- HẢI PHÒNG

16 Lê Đại Hành – Minh Khai – Hồng Bàng – HP

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty THHH DP Bạch Đằng – Quảng Ninh	96.712.953	20 tháng 10 ngày	50%	48.356.476
Cty CP Y tế Thanh Giang	80.365.531	25 tháng	70%	56.255.871
Cty TNHH TM DP Hải Thành	59.639.634	18 tháng 15 ngày	50%	29.819.817
Bệnh viện đa khoa Đồ Sơn	52.198.155	8 tháng	30%	15.659.446
Tổng cộng	288.916.273			150.091.610

Biểu 3.8 : Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản :

Nợ TK 642: 150.091.610

Có TK 139: 150.091.610

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách liên quan.

3.2.3.4. Hiện đại hóa công tác kế toán

Ngày nay khi công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác nói riêng là một tất yếu. Bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

Việc sử dụng phần mềm kế toán cho Chi nhánh công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 –Hải Phòng là cần thiết, bởi những lý do sau:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin

kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Chi nhánh.

- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà chi nhánh cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.
- Giải phóng các kế toán viên khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán sổ học đơn giản để họ dành nhiều thời gian cho việc phân tích thông tin và lao động sáng tạo. Hạn chế được việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót trong việc tính toán số liệu.

Theo em Chi nhánh nên áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Chi nhánh.

Chi nhánh có thể tham khảo các giao diện phần mềm kế toán trên các thông tin trên mạng hoặc tham khảo của các công ty khác trong cùng lĩnh vực . Dưới đây, em xin đưa ra một số giao diện của phần mềm kế toán chi nhánh có thể sử dụng :

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 R1



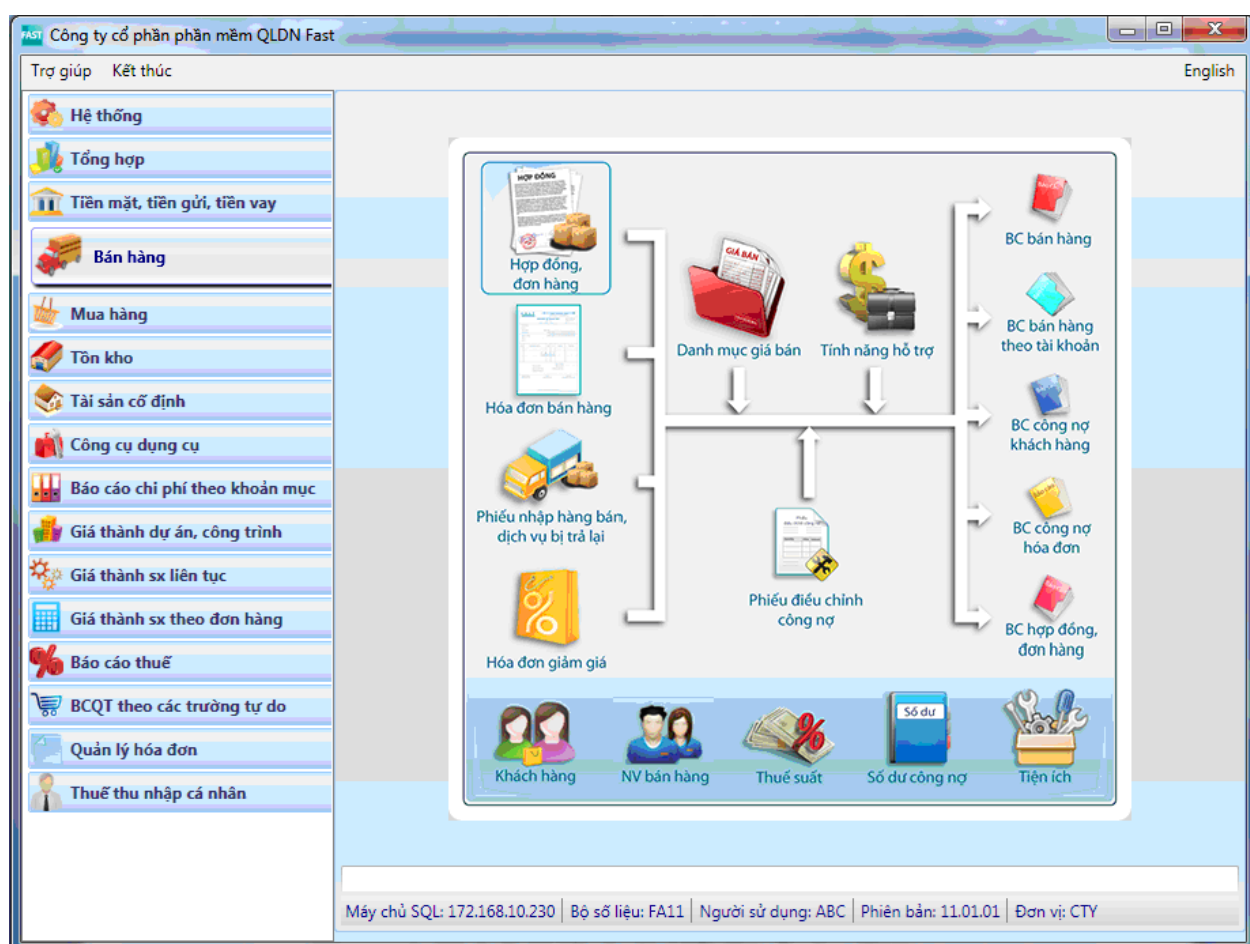
Tính năng :

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Giá cả :

- Giá: 9,950,000 đ với phần mềm gồm đầy đủ 13 phân hệ dành cho loại hình doanh nghiệp vừa sản xuất và thương mại ;
- Giá : 7.500.000 đ với phần mềm gồm 9 phân hệ dành cho hệ dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại, dịch vụ.

Phần mềm kế toán FAST



Tính năng:

- Phần mềm kế toán gồm 16 phân hệ đa dạng

- Fast Accounting cho phép truy cập và làm việc qua internet với tốc độ rất nhanh, giúp cho người sử dụng có thể làm việc mọi lúc, mọi nơi, tại văn phòng công ty, tại nhà, tại các điểm làm việc ở xa. Đối với các đơn vị có nhiều chi nhánh, nhà máy, cửa hàng thì có thể cài đặt cơ sở dữ liệu chỉ ở một nơi, không phải đầu tư hạ tầng cho tất cả các điểm, giảm được chi phí đáng kể cho đầu tư hạ tầng.
- Ngoài ra, còn mang tính chuyên ngành như : phần mềm Fast Accounting for Pharmacy 10.0 (phần mềm kế toán chuyên ngành dược

Giá cả: 3.500.000 đ/ phần mềm

Phần mềm kế toán ASoft Accounting 2012



Tính năng:

ASOFT-Accounting[®] là sản phẩm phần mềm kế toán được đầu tư và hoàn thiện liên tục từ năm 2003 đến nay. ASOFT-Accounting[®] gồm nhiều phân hệ và tổ chức thành 03 phiên bản là Standard, Professional, Enterprise. Tùy theo nhu cầu và quy mô, doanh nghiệp có thể lựa chọn cho mình phiên bản phù hợp với chi phí tiết kiệm nhất.

Giá cả: 3.500.000 đ – 5.500.000 đ

- ✓ **Lựa chọn phần mềm phù hợp đối với doanh nghiệp :**

Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của

Chi nhánh công ty TNHH MTV dược phẩm trung ương 2 – Hải Phòng cùng em xin tư vấn doanh nghiệp lựa chọn phần mềm phù hợp và tiết kiệm được chi phí như trong các phần mềm đã nêu trên. Tuy nhiên có thể nhận thấy phần mềm FAST phù hợp nhất về cả tính năng và giá cả, đặc biệt tính chuyên ngành (Fast Accounting for Pharmacy) .

3.2.3.5. Một số giải pháp khác

- **Quản lý công nợ, áp dụng chiết khấu thanh toán, thương mại**

Để quản lý và thực hiện tốt hơn quá trình bán hàng Chi nhánh nên quy định cụ thể về định mức công nợ tại từng thời điểm và cuối tháng đối với từng khách hàng, qua đó sẽ kiểm soát được tình hình công nợ, giúp công ty đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

Để chi nhánh thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn Chi nhánh có thể sử dụng chiết khấu thanh toán . Như vậy, chi nhánh sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- **Cung cấp thuốc cho các bệnh viện.**

Chi nhánh xác định đây vẫn là mảng hoạt động chính của chi nhánh công ty , tạo nguồn lực để chi nhánh phát triển khai thác các hoạt động khác . Vì vậy, cần phát huy triệt để lợi thế của Chi nhánh là cung ứng thuốc cho các cơ sở điều trị trong nhiều năm liền với tỷ trọng tương đối cao nên có nhiều kinh nghiệm và mối quan hệ mật thiết và uy tín với các cơ sở điều trị trong công tác cung ứng thuốc : nhanh, đủ, kịp thời, đảm bảo chất lượng. Trên cơ sở đó phòng kinh doanh cần có cách nhìn mới trong công tác cung ứng triển khai kết quả đấu thầu và bố trí con người cho phù hợp từng khách hàng và từng bệnh viện, cũng như lựa chọn các nhà cung ứng có tiềm lực và trung thành hợp tác với Chi nhánh để Chi nhánh luôn giữ được thị phần . Trên cơ sở đó kết hợp với bán buôn, bán lẻ cho các công ty dược phẩm, các nhà thuốc,... để tăng doanh thu, đối trừ công nợ để cùng phát triển.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nói chung và tại Chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng nói riêng là một vấn đề tương đối phức tạp và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp .

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng đã vận dụng lý luận vào nghiên cứu thực tiễn ở Chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng, trên cơ sở đó đưa ra những nội dung hoàn thiện phù hợp và có khả năng thực hiện được.

Thông qua các nội dung đã trình bày, đề tài đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Về mặt lý luận: đề tài đã hệ thống lại chế độ kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: đã mô tả khá chi tiết về thực trạng công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng trên các mặt:

+Về công tác kế toán và các chứng từ , sổ sách tại chi nhánh đã áp dụng đúng chế độ hiện hành, ghi nhận đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

+Về công tác quản lý chi phí kinh có nhiều điểm chưa hiệu quả, chưa quản lý được chi tiết số liệu , đối tượng từng khoản chi phí và chưa thực sự giúp được ban giám đốc trong việc đề ra các biện pháp sử dụng và quản lý chi phí hiệu quả hơn.

- Trên cơ sở đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng, đề tài đã đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm quản lý chi phí kinh doanh ở Chi nhánh hiệu quả hơn, đó là các giải pháp:

+Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết .

+Lập và phân tích chi tiết hơn sự biến động của các khoản mục trong báo cáo kết quả kinh doanh .

+Lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi .

+Hiện đại hóa công tác kế toán nhằm hạn chế sai sót trong hạch toán chi phí.

Các giải pháp đưa ra đều xuất phát từ thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH MTV được phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng và hy vọng sẽ góp phần giúp chi nhánh nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chi phí kinh doanh.

- a. PGS.TS Nguyễn Thị Đông (2006), *Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp* – Trường đại học kinh tế quốc dân – 2006 .
- b. TS. Phạm Huy Đoàn (2009), *Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài Chính.
- c. Nhà xuất bản Tài Chính (2006), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Bộ Tài Chính.
- d. Bộ Tài Chính (2009) ,*Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1,2 (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính* – Nhà xuất bản Tài Chính .
- e. Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu tại phòng kế toán tài chính của Chi nhánh công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 – Hải Phòng.